

Phiếu kiểm kê nghề y truyền thống Hội An

1. Tên gọi

Tên thường gọi: nghề y

2. Loại hình

Nghề truyền thống

3. Địa điểm phân bố

Trước đây, nghề y truyền thống Hội An tập trung nhiều nhất tại một số tuyến đường chính trong Khu phố cổ như Trần Phú, Nguyễn Thái Học, Lê Lợi... Hiện nay, các cơ sở hoạt động nghề y truyền thống phân bố rộng khắp trên địa bàn các xã/phường thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

4. Chủ thể

Hiện nay, Hội Đông y thành phố Hội An là chủ thể quản lý và điều hành các hoạt động nghề y truyền thống.

- Những người đại diện:

Họ và tên: Trương Tổng

Ngày, tháng, năm sinh: 1955

Dân tộc: Kinh

Nghề nghiệp: Lương y đa khoa - Chủ tịch Hội Đông y thành phố Hội An.

Địa chỉ liên lạc: phường Minh An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

5. Miêu tả

a. Vài nét về lịch sử

Nghề y cổ truyền ở Hội An hình thành và phát triển khá sớm trong lịch sử. Vào khoảng thế kỷ XVI-XVII, thương cảng Hội An từng là nơi tụ điểm của ngành y học ở Đàng Trong. Theo nhiều nguồn tư liệu ghi chép lại cho biết, vào thời gian này Hội An buôn bán rất nhiều loại thuốc, không có thứ gì không có, thậm chí những loại thuốc ở Thuận Hóa (kinh đô) không thấy nhưng lại có bán ở Hội An, điều này được thể hiện trong tác phẩm Hải ngoại kỷ sự của Thiền sư Thích Đại Sán vào năm 1695, khi ông đến Hội An có ghi chép lại như sau: “*Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước, ... thuốc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận Hóa không có thì người ta vào mua ở đây*”. Hay theo lời kể của một lái buôn người Quảng Đông (Trung Quốc) cho ta thấy đương thời nghề thuốc ở Hội An rất phát triển, đa dạng và phong phú về chủng loại thuốc của địa phương “*...ngoài ra, ở Quảng Nam có rất nhiều vị thuốc, nhiều nhục quế, trầm hương, kỳ nam...*”. Đặc biệt, trong thời kỳ này, trên các tuyến đường phố chính như Trần Phú, Nguyễn Thái Học, Lê Lợi... ngày nay tập trung nhiều tiệm thuốc Bắc, thuốc

Nam như Triều Phát, Xuân Sanh đường, Hòa Xuân đường, Duy Ích đường... Cùng với nhiều thầy thuốc giỏi, có kinh nghiệm trong việc hành nghề y như thầy Mười (hiệu Triều Phát), thầy Chấn Nam Thành (nhà Phi Yên), thầy Ba Chung, thầy Trương Hùng Cơ... sự đa dạng về chủng loại thuốc cùng với sự có mặt của các thầy thuốc nổi tiếng đã góp phần đáng kể vào việc phát triển nghề y cổ truyền ở Hội An, Quảng Nam cũng như cả Đàng Trong.

Nghề y cổ truyền Hội An liên tục phát triển mạnh mẽ qua các thời kỳ lịch sử. Nhưng kể từ khi thương cảng Hội An dần đánh mất vai trò chủ đạo do sông ngòi và cửa biển bị bồi lấp, cùng với sự du nhập ngày càng mạnh mẽ của Tây y với nhiều công cụ, phương tiện chẩn bệnh hiện đại và nhiều loại thuốc có tác dụng nhanh đã đáp ứng kịp thời việc cấp cứu và chữa bệnh nên nghề thuốc cổ truyền bắt đầu giảm đi. Tuy vậy, trong việc khám chữa bệnh, Tây y cũng không thể hoàn toàn giải quyết triệt để được mọi chứng bệnh mà nhiều khi cần phải có Đông y. Chính vì vậy mà nghề y cổ truyền Hội An tuy có suy giảm nhưng không hề bị mất hẳn.

Hiện nay vẫn còn rất nhiều tiệm thuốc Bắc duy trì hoạt động như Nam Xương đường, Xuân Thu đường cùng khá nhiều đội ngũ các lương y, thầy thuốc Nam ở khắp các xã/phường trên địa bàn thành phố Hội An chuyên chữa các bệnh chuyên khoa như châm cứu, bấm huyệt, cảm nhiệt, viêm xoang... và trong nhân dân vẫn còn lưu giữ được nhiều bài thuốc Nam khá hay, khá hiệu quả, đã chữa khỏi rất nhiều căn bệnh thông thường mà không cần đến sự can thiệp của Tây y.

Đặc biệt, sau ngày quê hương Hội An được giải phóng, các cơ sở buôn bán Đông dược tư nhân tại Hội An được Nhà nước, Chính quyền địa phương vận động hợp tác thành lập Phòng Chẩn trị y học dân tộc tập thể và bầu ra ban chủ nhiệm để điều hành, đồng thời UBND Thị xã ra Quyết định thành lập Hội đồng Y học Dân tộc để làm tham mưu cho lãnh đạo Thị xã và giám sát hoạt động của Phòng Chẩn trị. Phòng Chẩn trị còn chịu sự hướng dẫn của Phòng Y học Dân tộc thuộc Sở y tế.

Ban đầu có 6 cơ sở hoạt động, được đầu tư với số lượng lớn các loại dược phẩm, dược liệu và được Ban cải tạo quy định giá trên từng vị, theo đó bán ra cho người bệnh với giá phù hợp. Sau một thời gian hoạt động, theo sự thống nhất của tập thể, hoạt động dược của Phòng Chẩn trị được thực hiện theo hình thức giao khoán cho đến nay.

Từ Hội Đông y Dân tộc thị xã, theo chỉ đạo chung của Trung ương Hội đổi tên thành Hội Y học Cổ truyền dân tộc, rồi đổi lại là Hội Y học Cổ truyền và đến cuối năm 2000 trở lại lấy tên là Hội Đông y Hội An cho đến nay.

Đến nay, Hội đã trải qua 7 kỳ Đại hội, Ban chấp hành các nhiệm kỳ của Hội Đông y không ngừng nỗ lực, phấn đấu xây dựng, phát triển hội viên và nâng cao trình độ chuyên môn, số lượng hội viên không ngừng được tăng lên. Ở các

phường/xã, toàn thể Trạm y tế có bộ phận khám chữa bệnh bằng Đông y. Hoạt động của các chi hội và hội viên cơ bản đã phát huy được năng lực và đạo đức người thầy thuốc trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

b. Hình thức biểu hiện

b.1. Về tên gọi

Đông y là tên gọi chỉ việc chẩn đoán, chữa bệnh theo phương pháp Đông y tức là *Y học cổ truyền phương Đông* để phân biệt với Tây y là *Y học hiện đại*. Nói đến cổ truyền có nghĩa là từ xưa, bởi vì trước khi nền y học hiện đại du nhập vào nước ta mà đầu tiên là do người Pháp thực hiện thì người Việt đã thực hiện các phương pháp y học cổ truyền để phục vụ cứu chữa cho con người khi bị ốm đau, bệnh tật nói chung, không riêng gì ở Hội An chúng ta.

Nói về nguồn gốc của nghề Đông y của ta thì đến nay đã được xác định từ 3 nguồn: Y học cổ truyền dân tộc, y học dân gian và y học kinh nghiệm.

Y học cổ truyền dân tộc là y học thành văn (hay còn gọi y học bác học), do dân tộc ta dựa trên cơ sở lý luận của y học phương Đông (mà chủ yếu là người Trung Hoa trước đây) từ y văn do các danh y của họ và một số danh y của ta trước tác (ban đầu cũng căn cứ trên y văn của họ để trước tác nhưng qua nghiên cứu địa lý, y lý, khí hậu các vị của ta đã lập thêm một số phương thuốc phù hợp với thủy thổ, cơ địa của người dân bản địa) rồi các thầy thuốc Đông y từ đó áp dụng theo chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân.

Y học dân gian có thể hiểu là toàn bộ những kinh nghiệm phòng chống bệnh tật, bảo vệ và nâng cao sức khỏe có tính tập thể và truyền miệng của nhân dân lao động, ra đời từ thời kỳ công xã nguyên thủy và tồn tại đến hôm nay.

Y học dân gian còn được gọi là kinh nghiệm dân gian (để phân biệt với y học bác học hay là y học thành văn). Trên thực tế, khái niệm y học dân gian rất ít được sử dụng, mà chủ yếu là dùng các cụm từ “*Kinh nghiệm chữa bệnh dân gian*” “*Môn thuốc dân gian*”, hay chìm lẩn trong các khái niệm y học dân tộc, y học cổ truyền, Đông y...

Ngay từ thuở nguyên sơ, người xưa biết dùng cây cỏ quanh mình để làm thuốc và biết sáng tạo ra những cách chữa bệnh không dùng thuốc. Ví dụ, ban đầu củ gừng, củ tỏi... chỉ được dùng trong thức ăn để làm thay đổi và đa dạng hóa mùi vị, nhưng ban đầu về sau người ta nhận thấy chúng còn khả năng làm ấm bụng và dễ tiêu, làm hết đi lỏng do ăn phải đồ sống lạnh... và thế là bắt đầu lưu truyền từ đời này sang đời khác cho nên y học dân gian và y học kinh nghiệm chỉ là một.

Phải khẳng định rằng: nguồn gốc nguyên sơ của ta đã có “Đông y”. Qua các giai đoạn người Trung Hoa đô hộ, ta đã tiếp cận các tài liệu của họ làm phong phú cho nền Đông y Việt Nam về trước tác lẫn y thuật, trong đó có Hội An.

Tóm lại, nghề y truyền thống ở Hội An vừa có tính bản địa, vừa du nhập từ bên ngoài.

- Về tên gọi thuốc Bắc, thuốc Nam

Danh từ “Thuốc Nam” là để chỉ các cây cỏ làm thuốc (dược liệu) mọc hoang hoặc được trồng ngay trên đất nước ta. “Thuốc Bắc” là những loại cây mọc hoang hoặc trồng tại bên Trung Hoa và được bán sang nước ta. Hiện nay, hai từ “Thuốc Nam, Thuốc Bắc” là để phân biệt tại Trung Hoa lục địa và ở trong nước ta.

Nói chung, cùng một cây cỏ làm thuốc, ở Việt Nam có thì Trung Hoa lục địa cũng có và ngược lại, nhưng còn rất nhiều loại cây cỏ trong các phương thuốc theo các y văn do người Trung Hoa và danh y Việt Nam biên soạn thì ở Việt Nam chưa phát hiện, cho nên muốn thực hiện hoàn hảo một phương thang để điều trị cho bệnh nhân thì phải sử dụng 2 nguồn “Nam, Bắc”. Bởi vì những thầy thuốc học theo y học thành văn, khi chữa trị cho bệnh nhân phần lớn áp dụng các cổ phương. Còn y học kinh nghiệm dân gian thì còn ở phạm vi hạn chế.

Vả lại, cũng có loại cây thuốc quý ở nước ta có nhưng Trung Hoa không có hoặc có nhưng chất lượng kém như Sa nhân, Quế... thì ta xuất khẩu và các hiệu thuốc của người Hoa vẫn thu mua các loại dược liệu do dân ta thu hái, nuôi trồng rồi bán ra cho thầy thuốc và bệnh nhân chứ không phải bán hoàn toàn thuốc “Bắc”.

Tóm lại, hai từ “Đông y” trước đây hay bây giờ là để chỉ phương pháp và dược liệu theo y học cổ truyền, không phân biệt “Bắc, Nam”, loại nào có ở trong nước thì ta thu hái, nuôi trồng để sử dụng, loại nào không có ta phải mua (có loại không thể thay thế được), gọi chung là Đông dược.

Nhìn chung, khi các hiệu thuốc của người Hoa còn hoạt động trong Khu phố cổ, nguồn Đông dược rất phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho các thầy thuốc sử dụng để điều trị cho bệnh nhân mang lại hiệu quả nhanh chóng hơn.

Trong những năm chiến tranh chống Mỹ gần như nguồn dược liệu trong nước không “phát huy” mà phần lớn dùng thuốc “Bắc”, do không thể nuôi trồng hay thu hái đâu được. Trong khi đó thì thuốc “Bắc” thuận tiện hơn, các cửa hiệu lớn ở Đà Nẵng chạy thẳng từ Trung Quốc sang Hồng Kông mua về và bán lại cho các hiệu thuốc ở Hội An, thậm chí như Tía tô, Hoắc hương, Hương phụ (Cỏ gấu) các thầy thuốc cũng đành phải mua theo dạng “Bắc” cho tiện.

- Sự khác nhau giữa Đông y và Tây y

+ **Về phương pháp chẩn đoán:** Đông y thiết lập chẩn đoán bằng Tứ chẩn (Vọng, Văn, Vấn, Thiết).

Vọng (xem): Xem hình thái, sắc mặt, mắt, lưỡi, rêu lưỡi, miệng, mũi, răng, da, tay chân.

Văn (nghe): Âm thanh, khí vị.

Vấn (hỏi bệnh): Hỏi những vấn đề cần thiết như sinh hoạt, hoàn cảnh, triệu chứng đau ... có liên quan, tác động đến bệnh.

Thiết: Gồm có mạch chân (xem mạch) và xúc chẩn (sờ nắn để thăm dò về da, tay chân, ngực bụng ...)

Tây y thiết lập chẩn đoán bằng Hỏi - Nhìn - Sờ - Gõ - Nghe.

+ **Phương tiện chẩn đoán:** Đông y vận dụng toàn bộ thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác của người thầy thuốc (không có phương tiện hỗ trợ nào khác). Tây y có máy móc chuyên dụng hỗ trợ.

+ **Về hình thể, sinh lý con người:**

Đông y vận dụng học thuyết Âm dương - Ngũ hành của thiên nhiên quy nạp vào Ngũ tạng - Lục phủ - Phủ kỳ hỗng - Dinh - Vệ - Khí - Huyết - Tinh - Thần - Tân dịch trong cơ thể con người và học thuyết Kinh lạc thành một hệ thống hoàn chỉnh. Đó là chức năng (trừu tượng) làm nên sự sống của con người.

Tây y căn cứ vào giải phẫu sinh lý, phân tích từng bộ phận trong cơ quan nội tạng, từng hệ thần kinh. Phần này là thực thể, hữu hình.

+ **Về quy nạp nguyên nhân bệnh trong chẩn đoán, điều trị:**

Đông y chủ yếu do Lục dâm (Là Phong, Hàn, Thử, Thấp, Táo, Hỏa tức Lục khí, là hiện tượng bình thường và biến hóa của khí hậu tự nhiên nhưng khi gặp ở tình trạng trái thường thì gọi Lục dâm) - Dịch lệ - Thất tình (Mừng, Giận, Lo, Nghi, Buồn, Sợ, Kinh ở trạng thái quá độ)...

Tây y chủ yếu là do Vi khuẩn - Vi rút - Ký sinh trùng - Rối loạn tâm thần ... Đông y căn cứ chức năng các cơ quan nội tạng, cơ thể con người mất cân bằng và tác nhân gây bệnh do chức năng của Lục khí trái thường xâm nhập. Tây y căn cứ tình trạng Tâm thần của con người và tác nhân gây bệnh do vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng xâm nhập.

Tóm lại, về chẩn đoán, điều trị: Đông y thiên về chức năng của cơ thể, sinh lý con người và chức năng của nhân tố gây bệnh (*mang tính trừu tượng, vô hình*) và đa phần chữa các bệnh thuộc về cơ năng (*chức năng*). Tây y thiên về thực thể của cơ thể, sinh lý con người và hữu hình của nhân tố gây bệnh.

b.2. Quy trình, kỹ thuật hoạt động nghề y truyền thống

Nghề y truyền thống là một nghề mang tính khoa học rất cao bởi nó không sử dụng các phương tiện hiện đại để chẩn đoán bệnh như Tây y mà chủ yếu thông qua việc bắt mạch để tìm ra bệnh lý. Hơn nữa, những người thầy thuốc, các lương y đã trang bị cho mình những kiến thức cơ bản mang tính quy luật, triết học như thuật âm dương, quy luật biến hóa của ngũ hành để áp dụng vào việc khám chữa bệnh, kê đơn, châm cứu.

Trên cơ sở đó, người thầy thuốc vận dụng vào việc tìm thuốc, chế thuốc chữa bệnh như sau:

Tìm thuốc: căn cứ vào mùi vị, người ta cho vị thuốc này có tác dụng trên bộ phận này hay bộ phận khác trên cơ thể.

Chế thuốc: trong việc chế thuốc người ta cũng vận dụng ngũ hành như muốn cho một vị thuốc các tác dụng vào thận người thầy thuốc thường chế thuốc với đậu đen, vì màu đen thuộc hành thủy mà thận lại thuộc thủy. Muốn vị thuốc tác dụng thêm vào tỳ vị thì cần tằm với mật, vì vị ngọt thuộc hành thổ mà thổ là hành của tỳ vị...

Trong việc điều trị: người thầy thuốc cũng vận dụng như vậy như bệnh thổ huyết, huyết màu đỏ thuộc hành hỏa, muốn chống với hành hỏa thì phải dùng hành thủy, hành thủy thì thuộc màu đen. Vậy, muốn chữa được bệnh này thì thuốc gì cũng phải đốt, sao cho đen cháy. Như vậy là dùng tính chất khác nhau, chống nhau mà chữa bệnh. Nhưng cũng cần chú ý luật thái quá bất cập ví dụ như dùng quá chua, hay ăn cay quá thì sẽ hại gan...

Sau khi chẩn bệnh, căn cứ vào tình hình cụ thể của bệnh, thầy thuốc thường kê đơn thuốc dặn dò cách sử dụng và kiêng cử khi dùng thuốc. Cách kê đơn dùng thuốc căn cứ vào tình hình cụ thể của bệnh, nghề thuốc gọi là “biện chứng luận trị” nghĩa là căn cứ vào chứng trạng của bệnh nhân mà biện luận cách trị liệu. Nội dung có thể là những bài thuốc gia truyền kinh nghiệm, cũng có thể là những bài thuốc sẵn có rồi gia giảm thêm, có khi thầy thuốc có thể dựa hoàn toàn vào các triệu chứng tật bệnh chẩn đoán được mà kê một bài thuốc hoàn toàn theo sáng kiến kinh nghiệm của mình. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đã thống kê được nhiều bài thuốc cổ phương (*phương thang*), các dược liệu mà các thầy thuốc, lương y Hội An đã sử dụng để chữa, khám bệnh (*xem phụ lục 1 và 2*).

Tóm lại, phương pháp chữa bệnh nghề y được tóm lược như sau:

+ Phương pháp không dùng thuốc như: Châm, Cứu, Bấm huyết, Ấn huyết, Day huyết, Khí công, Xoa bóp, Chích lễ, Giác hút, Cạo, Ngâm, Chườm, Xông...

+ Phương pháp dùng thuốc (như trên) gồm: Thuốc thang, thuốc nước, thuốc bột, thuốc viên (gồm viên dạng mềm và viên dạng cứng).

Để hiểu thêm về nghề y Hội An, trong tác phẩm “**Xứ Đàng Trong năm 1621**” của C.Borri khi đến Hội An đã miêu tả như sau: “... Còn về thầy thuốc và cách chữa bệnh nhân tôi phải nói là rất nhiều, người Bồ cũng như người bản xứ, và người ta thường thấy nhiều bệnh vô danh và các thầy thuốc châu Âu không chữa được thì đã được khám phá và được các lương y bản xứ chữa khỏi một cách dễ dàng. Không ít lần các thầy thuốc người Bồ đã chê một bệnh nhân coi như xong rồi, thế nhưng bệnh nhân này sẽ được chữa lành một cách dễ dàng nếu gọi được một lương y bản xứ...”

Khi viết về phương pháp chữa bệnh, ông mô tả: “... Phương pháp của họ là thoát vào phòng người bệnh, họ ngồi nghỉ một lát gần giường bệnh, để cho dịu cảm xúc khi tới đây. Rồi họ bắt mạch rất chuyên chú và cẩn thận. Sau đó họ nói ông hay bà mắc chứng gì và nếu là chứng nan y thì họ cũng thành thật cho biết là tôi không có thuốc chữa bệnh này, đó là dấu hiệu người bệnh không thoát khỏi. Nếu họ đoán là bệnh nào và có thể chữa được bằng thuốc nào của họ thì họ cũng cho biết, tôi có cách chữa ông, bà và trong bao lâu tôi sẽ chữa khỏi bệnh. Sau đó họ bàn về tiền thù lao lương y trong trường hợp khỏi bệnh...”

Còn về việc tính tiền chữa bệnh giữa thầy thuốc và bệnh nhân, ông ghi rõ: “...Tiền ít nhiều tùy theo tính chất và sự nặng nhẹ của bệnh và có lần hai bên có hợp đồng với nhau. Rồi chính lương y bốc thuốc, không cần tới dược sĩ, vì thế họ

không có dược sĩ và họ làm lấy vì sợ lộ bí mật của các liều thuốc họ cho, vì thế họ hết sức giấu, một phần cũng vì họ không giám tin tưởng vào một người nào khác bốc thuốc, kê đơn họ đưa ra. Nếu bệnh nhân phục hồi sức khỏe trong thời gian đã ấn định, khi bàn giá cả thường diễn ra như vậy thì buộc phải trả tiền như hai bên đã thỏa thuận với nhau, nhưng nếu không khỏi thì lương y mất cả công, mất cả thuốc...”

Về cách dùng thuốc và kiêng cử trong việc dùng thuốc, C. Borri mô tả: “...Thuốc họ cho bệnh nhân uống thì không như thuốc của chúng ta, vừa khó uống lại làm yếu và làm cho bụng ươn lười nhưng dễ uống như canh và cũng rất bổ, không cần ăn thêm món nào khác. Vì thế, họ cho bệnh nhân uống mỗi ngày mấy lần như chúng ta thỉnh thoảng cho uống nước thịt. Các vị thuốc đó không biến đổi cơ thể, nhưng giúp các chức năng hoạt động thông thường, làm khô kiệt những chất hư mà không động tới người bệnh... Số là có một người Bộ cho mời lương y châu Âu tới và lương y này sau khi đã chữa chạy ít lâu thì bỏ bệnh nhân coi như chết không trở lại thăm nữa. Người ta liền mời thầy thuốc bản xứ, ông này hứa chữa bệnh trong một thời gian và căn dặn rất nghiêm khắc là trong thời gian ông chữa bệnh phải kiêng đàn bà, nếu không thì cực kỳ nguy hiểm và ông thấy có thuốc nào trong y khoa có thể cứu thoát cơn nguy hiểm bệnh nhân đang chịu và chỉ cần điều kiện đó thôi”.

Về công cụ, phương tiện: nghề y truyền thống Hội An thường sử dụng những công cụ, phương tiện chủ yếu như tủ đựng thuốc, cân tiểu ly, bàn tính, dao cầu, thuyền tán... Ngoài ra còn dùng một số công cụ, phương tiện mới và hàng chục đầu sách các loại (xem phần phụ lục) phục vụ cho nghề, cụ thể được thống kê dưới bảng sau:

TT	Tên công cụ, phương tiện	Chất liệu	Tự làm /Mua	Trước có nay không dùng	Công cụ, phương tiện mới
1	Quầy cân thuốc	Gỗ	Đặt thợ mộc	Thuyền tán	Máy xay thuốc
2	Tủ kính	Gỗ, kính	-	Cân tiểu ly	Cân đồng hồ
3	Tủ ngăn kéo	Gỗ	-	Bàn tính	Máy điện châm
4	Thấu, lọ thủy tinh		Mua cửa hàng	Dao cầu	Kim châm cứu
5	Thùng đựng thuốc	Nhôm, thiếc	Đặt thợ thiếc	Bào thuốc	
6	Cân		Mua cửa hàng	Bút lông	
7	Giấy gói		Mua cửa hàng	Nghiên mực	
8	Dao cầu	Thép + sắt	Đặt thợ rèn	Giấy viết chữ Hán	
9	Bào	Gỗ, Thép + sắt	-		

10	Cối, chày đồng nhỏ	Đồng	Đặt lò đúc		
11	Dao thái thuốc	Thép + sắt	Đặt thợ rèn		
12	Nồi, chảo sao thuốc	Đất hoặc gang	Mua ở chợ		
13	Thùng nấu thuốc	Nhôm	Đặt thợ nhôm		
14	Cối nhồi thuốc viên	Đá	Mua cửa hàng		
15	Chày nhồi thuốc	Gỗ	-		
16	Nia phơi thuốc	Tre	Mua ở chợ		
17	Rổ rửa, lọc thuốc	Tre	Mua ở chợ		
18	Lò nấu thuốc	Đất sét	Thuê thợ xây		
19	Bếp sao thuốc	Đất hoặc sắt	Ở lò gốm, chợ		
20	Ấm (siêu) sắc thuốc	Đất sét	Ở lò gốm		
21	Dây buộc gói thuốc	Cối (lác) khô	Cơ sở dệt chiếu		

b.4. Không gian văn hóa, tín ngưỡng, thờ tự của nghề y

Không gian văn hóa nghề y gắn liền với Khu phố cổ Hội An, đặc biệt là những ngôi nhà gắn liền với các cơ sở buôn bán, khám chữa bệnh của các thầy thuốc xưa và nay.

Qua điều tra, khảo sát, chúng tôi thấy hầu hết các tiệm thuốc của người Việt thường thờ Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác, một vị danh y sống vào thời Lê-Trịnh, người viết bộ “Hải thượng y tông tâm lĩnh”, là bộ sách “gối đầu” của những người hành nghề y. Đối với các thầy thuốc người Hoa thì họ thờ Hoa Đà, Biển Thước, Lý Thời Trân. Các vị danh y được những thầy thuốc xem như là những vị tổ nghề y. Ngoài ra, họ còn thờ Thần tài, Thổ địa, Huỳnh Đế, Kỳ Bá, Lôi Công... có nhà thờ Thần Nông, một nhân vật huyền thoại thời cổ đại trong lịch sử Trung Hoa, đã dạy cho dân về nông nghiệp và dùng thảo dược chữa bệnh.

Theo các thầy thuốc cho biết, họ thường cúng tổ vào ngày Rằm tháng Giêng Âm lịch. Lễ cúng rất linh đình và có đọc văn tế. Hiện nay, Phòng chẩn trị Đông y tại số 50 Nguyễn Thái Học (trụ sở Hội Đông y thành phố Hội An) là nơi tổ chức cúng Tổ nghề y.

c. Hiện trạng nghề y truyền thống Hội An

- **Số lượng người làm** (thuộc Hội hội đông y): Theo kết quả điều tra được, số lượng thầy thuốc, lương y đang hoạt động nghề y hơn 70 người (trong số đó có

một số người không tham gia Hội Đông y) phân bố rộng rãi trên địa bàn các phường/xã thành phố Hội An, cụ thể được thống kê dưới bảng sau:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Ghi chú
I. PHƯỜNG CẨM PHỒ				
1	Nguyễn Việt Di	1943	Lương y chuyên khoa nội	Chi hội trưởng
2	Phan Trí	1925	Gia truyền	
3	Nguyễn Thị Nữ	1934	Gia truyền	
4	Nguyễn Thị Kim Thu	1941	Y tá	KTV châm cứu
5	Trương Hoài Doãn	1962	Thừa kế	
6	Trương Anh Đà	1968	Chiết thương	
7	Nguyễn Việt Vĩnh	1969	Chuyên khoa nội	
8	Nguyễn Việt Lĩnh	1972	Đang Thừa kế	
9	Trần Quang Thống	1974	Chuyên khoa nội	
10	Huỳnh Văn Mạnh	1958	Thừa kế	
11	Lý Hào Tuấn	1974	Đang thừa kế	
12	Trần Công Thanh Hải	1974	Chuyên khoa nội	
13	Lương Ngọc Trí	1974	Đang thừa kế	
II. PHƯỜNG SƠN PHONG				
14	Nguyễn Chí Hiếu	1970	Lương dược	Chi hội trưởng
15	Nguyễn Văn Minh	1966	Thừa kế, Y tá	Chi hội phó
16	Lê Thanh Minh	1930	Bác sĩ	
17	Võ Đức Ngô	1963	Thừa kế	
18	Ngô Thị Mỹ Hiệp	1967	Đang thừa kế	Đông dược
19	Nguyễn Thị Thanh Hà	1971	Chuyên khoa nội, dược tá	
20	Nguyễn Thị Hòa	1972	Chuyên khoa nội	
21	Nguyễn Thành Đạt	1983	Y sĩ y học cổ truyền	
22	Phan Thị Thu Mơ	1974	Thừa kế	
23	Nguyễn Đoàn Huyền Phước	1993	Y sĩ y học cổ truyền	
III. PHƯỜNG MINH AN				
24	Lương Ngọc Anh	1951	Lương y đa khoa	Chi hội trưởng
25	La Thế Kiệt	1964	Thừa kế	Chi hội phó
26	Trương Tổng	1955	Lương y đa khoa	Chủ tịch Hội Đông y
27	Trần Hòa	1958	Bác sĩ	

28	Trương Quân	1960	Thừa kế	
29	Phạm Văn Hào	1973	Chuyên khoa nội	
30	Phạm Văn Giang	1976	Thừa kế	
31	Trần Văn Xuân	1964	Chuyên khoa nội	
32	Phạm Văn Hùng	1978	Đang thừa kế	
IV. PHƯỜNG THANH HÀ				
33	Bùi Phước Dui	1956	Lương dược	Chi hội trưởng
34	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	1944	Y tá	Chuyên châm cứu
35	Nguyễn Văn Nga	1957	Thuốc Nam	
36	Lê Thanh Thảo	1976	Chuyên khoa nội	
37	Bùi Phước Chung	1988	Đang thừa kế	
38	Lê Việt Du	1972	Thừa kế	
39	Đạo Minh Triều	1967	Thừa kế	
40	Phạm Trần Phước	1964	Lương y đa khoa	
41	Lê Thị Nguyên Phương	1984	Y sĩ Y học cổ truyền	
V. PHƯỜNG CẨM CHÂU				
42	Nguyễn Đi	1943	Lương y chuyên khoa nội	Chi hội trưởng
43	Lê Lương Huy	1947	Lương y đa khoa	
44	Huỳnh Đông	1961	Thừa kế	
45	Đình Thị Thu	1968	Thừa kế	
46	Đào Văn Tám	1970	Thừa kế	
VI. PHƯỜNG TÂN AN				
47	Huỳnh Văn Ngự	1948	Lương y chuyên khoa nội	Chi hội trưởng
48	Nguyễn Thế Toàn	1957	Lương y chuyên khoa nội	Chi hội phó
49	Nguyễn Khắc Tâm	1925	Lương y chuyên khoa nội	
50	Trần Văn Thái	1949	Thừa kế	
51	Phạm Phụng	1958	Lương y chuyên khoa nội	
52	La Thế Hoàng	1960	Thừa kế	
53	Lê Hường	1960	Lương y châm cứu	
54	Nguyễn Hồng Hoan	1962	Thừa kế	
55	Trương Anh Tuấn	1971	Thừa kế	Khoa chiết thương
56	Nguyễn Đình Trúc	1962	Thừa kế	Chuyên bấm huyệt

57	Huỳnh Văn Cảnh	1971	Đang thừa kế	
58	Huỳnh Trang Long	1972	Đang thừa kế	
59	Nguyễn Thế Phước	1980	Đang thừa kế	
VII. PHƯỜNG CẨM NAM				
60	Phạm Ngọc Ích	1954	Lương y chuyên khoa nội	Chi hội trưởng
61	Nguyễn Đình Sáng	1966	Thừa kế	
62	Phạm Công Định	1976	Thừa kế	
63	Phạm Đông Trường	1979	Thừa kế	Đang học Y học cổ truyền
64	Phạm Đông Quang	1986	Thừa kế	
VIII. XÃ CẨM KIM				
65	Phạm Sở	1944	Lương y chuyên khoa nội	Chi hội trưởng
66	Phạm Lại	1953	Lương y chuyên khoa nội	Chi hội phó
67	Phạm Phú Toàn	1930	Thừa kế	Chuyên châm cứu
68	Phạm Khắc Kim Sơn	1964	Y sĩ Y học cổ truyền	
69	Phạm Trọng Luật	1985	Y sĩ Y học cổ truyền	Đang học y

Bên cạnh các lương y, thầy thuốc đang hoạt động, chúng tôi thống kê được một số người trong nghề có kinh nghiệm đã qua đời, cụ thể như sau:

TT	Tên thường gọi	Họ và tên	Địa chỉ	Ghi chú
1	Thầy Quyền		Cẩm Thanh	
2		Nguyễn Cao Đệ	Cẩm Thanh	
3	Thầy Lương	Nguyễn Tấn Lương	Cẩm Thanh	
4			Cẩm Thanh	
5	Thầy Nguyên		Cẩm Thanh	
6	Thầy Đường	Nguyễn Tấn Đường	Cẩm Thanh	
7	Thầy Địch	Nguyễn Tấn Địch	Cẩm Thanh	
8	Thầy Nguyên		Cẩm Thanh	
9		Lê Nguyên	Cẩm Thanh	
10	Thầy Giáo		Cẩm Thanh	
11	Thầy Tăng		Cẩm Thanh	
12		Trần Cử	Cẩm Thanh	
13	Thầy Khương		Cẩm Thanh	
14		Phan Dũng	Cẩm Thanh	
15		Lê Lý	Cẩm Thanh	

16		Lê Công Hoàn	Cẩm Thanh	
17	Thầy Mân		Cẩm Nam	
18	Thầy Dinh		Cẩm Nam	
19	Thầy Xu	Đỗ Xu	Cẩm Nam	
20	Thầy Ngữ		Cẩm Nam	
21	Thầy Tư Kê		Trưởng Lê - Cẩm Châu	
22	Thầy Dách	Trần Tuân	Thanh Tây - Cẩm Châu	
23	Thầy 9 Huọt	Phạm Tấn Huọt	Cẩm Nam	
24	Ông Giáo Chung	Đình Chung	Cẩm Phô	
25	Thầy Quế	Trần Quế	Cẩm Phô	
26	Thầy Hai Có	Võ Quang Cảnh	Cẩm Phô	
27	Thầy Mười Chỉ	Nguyễn Thế Chỉ	Cẩm Phô	
28	Thầy Vân	Đình Vân	Cẩm Phô	Nguyên Phó Chủ tịch Hội Đông y
29	Thầy Tố	Huỳnh Thái Tố	Cẩm Phô	Nguyên Ủy viên BCH Hội Đông y
30		Ngô Thị Hải	Cẩm Phô	Nguyên Hội viên Hội Đông y
31		Trương Đình Vân	Cẩm Phô	
32		Đỗ Xuân Nghinh	Cẩm Phô	
33	Thầy Chánh Khóa		Tân An	
34	Thầy Cửu Long	Lê Long	Minh An	
35	Thầy Huệ Dân	Phạm Khắc Kiệt	Minh An	
36		Khuông Đình Tư	Minh An	
37	Thầy Hạc	Lưu Văn Khả	Minh An	
38	Thầy Thiệu	Trương Thiệu	Minh An	
39	Thầy Vàng	Lương Ngọc Liên	Minh An	
40	Thầy Chệt	Trương Đức Thiết	Minh An	
41	Thầy Lịch	Lê Linh	Minh An	
42	Thầy Cân	Phạm Văn Cân	Minh An	Nguyên Chủ tịch Hội Đông y
43	Bác sĩ Chung	Nguyễn Ngọc Chung	Sơn Phong	Nguyên Chủ tịch Hội Đông y
44	Thầy Nường	Lê Nường	Sơn Phong	Nguyên Hội viên Hội Đông y
45	Thầy Thương	Nguyễn Tấn Thương	Thanh Hà	

46	Thầy Đảnh	Huỳnh Cầm	Cửa Đại	
47	Thầy Mai	Lê Mai	Cầm Hà	
48	Thầy Mười Miến		Cầm Hà	
49	Thầy Năm Soạn	Phạm Khắc Mẫn	Cầm Kim	

Ngoài ra, chúng tôi cũng đã thống kê được các cơ sở mua bán dược liệu, khám - chữa bệnh, cơ sở hành nghề trên địa bàn Thành phố trước đây và hiện nay, cụ thể:

+ Các cơ sở mua bán dược liệu Nam, Bắc trong Khu phố cổ

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Đang hoạt động	Không còn hoạt động	Họ và tên chủ cơ sở trước đây	Dân tộc	Họ và tên chủ cơ sở hiện nay	Ghi chú
1	Bửu An Đường	Nguyễn Thái Học		x	Thái Tấn Bửu	Hoa		
2	Duy Ích	21 Nguyễn Thái Học		x	Bà Duy Ích	Hoa		
3	Hòa Sanh Đường	70 Nguyễn Thái Học		x	Triệu Minh Hòa	Hoa		
4	Hòa Xuân Đường	98 Trần Phú		x	Vương Thiệu Quang	Hoa		
5	Hòa Xương Đường	70 Nguyễn Thái Học		x	Chưa rõ	Hoa	Chuyển đến TP Hồ Chí Minh	Hòa Sanh
6	Nam Xương Đường	Trần Quý Cáp	x		La Châu	Hoa	La Thế Kiệt	
7	Thái An Đường	Trần Phú		x	Thái Tấn Thái	Hoa		
8	Thuận An Đường	49 Trần Phú		x	Thái Chấn An	Hoa		
9	Triều Phát	39 Nguyễn Thái Học		x	Bà 5 Triều Phát	Hoa	Sau 1975 Cty Dược	
10	Trường Sanh	Lê Lợi		x	Thái Nhĩ Tụng	Hoa		
11	Xuân Thu Đường	6 Hoàng Diệu	x		Chưa rõ	Kinh	Trần Văn Xuân	Sau 1975

+ Các cơ sở mua bán cao đơn hoàn tán trong Khu phố cổ

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Đang	Không	Họ và tên	Dân	Họ và tên chủ
----	-----------	---------	------	-------	-----------	-----	---------------

			hoạt động	còn hoạt động	chủ cơ sở trước đây	tộc	cơ sở hiện nay
1	An Thái (Thầy Tài)	150 Trần Phú		x	Thầy Tài	Kinh	
2	Bảo An Long	Trần Phú		x		Hoa	
3	Minh Đức Đường	48 Nguyễn Thái Học		x	Bà Minh Đức	Kinh	

+ Các cơ sở khám bệnh, bán thuốc trong Khu phố cổ

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Đang hoạt động	Không còn hoạt động	Họ và tên chủ cơ sở trước đây	Dân tộc	Họ và tên chủ cơ sở hiện nay	Ghi chú
1	Thầy Chệt	21 Hoàng Văn Thụ		x	Trương Đức Thiệt	Kinh	Đã qua đời	
2	Đông y sĩ Huệ Dân	89 Nguyễn Thái Học		x	Phạm Khắc Kiệm	Kinh	Đã qua đời	
3	Phòng chẩn trị Đông y	50 Nguyễn Thái Học	x		Phạm Văn Cấn	Kinh	Phạm Văn Hào	Sau 1975
4	Thầy Vàng	10 Bạch Đằng		x	Lương Ngọc Liễn	Kinh	Lương Ngọc Anh	

+ Các cơ sở khám bệnh, kê đơn (không bán thuốc) trong Khu phố cổ

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Đang hoạt động	Không còn hoạt động	Họ và tên chủ cơ sở trước đây	Dân tộc	Họ và tên chủ cơ sở hiện nay	Ghi chú
1	Đông y sĩ Lê Long	38 Lê Lợi		x	Lê Long	Kinh	Đã qua đời	

+ Các cơ sở buôn bán Đông dược trên địa bàn Hội An hiện nay

TT	Tên cơ sở	Họ và tên chủ cơ sở	Địa điểm	Ghi chú
1	Nhà thuốc Hội Phố	Nguyễn Chí Hiếu	111 Nguyễn Trường Tộ - Sơn Phong	
2	Nhà thuốc Dui Giao	Bùi Phước Dui	265 Nguyễn Tất Thành -	

			Thanh Hà	
--	--	--	----------	--

+ Các cơ sở hành nghề Đông y trên địa bàn Hội An hiện nay

TT	Tên cơ sở	Họ và tên chủ cơ sở	Địa điểm	Ghi chú
1	Phòng chẩn trị Đông y	Nguyễn Việt Di	Cẩm Phô	Ủy viên BCH Hội Đông y
2	Tại nhà (không có tên)	Trần Quang Thống	Cẩm Phô	Hội viên Hội Đông y
3	Hành nghề lưu động	La Vĩnh Bằng	Cẩm Phô	
4	Tại nhà	Trương Anh Đà	Cẩm Phô	Hội viên Hội Đông y
5	Hòa Sanh Đường	Triệu Quốc Thạnh	Cẩm Phô	
6	Phòng chẩn trị Đông y	Huỳnh Văn Ngự	Tân An	Ủy viên BCH Hội Đông y
7	Phòng chẩn trị Đông y	Nguyễn Thế Toàn	Tân An	Ủy viên BCH Hội Đông y
8	Phòng chẩn trị Đông y Hồng Ngọc	Nguyễn Khắc Tâm	Tân An	Hội viên Hội Đông y
9	Phân chẩn trị Đông y Tâm Ân	Lê Hường	Tân An	Hội viên Hội Đông y
10	Tại nhà	Trương Anh Tuấn	Tân An	Hội viên Hội Đông y
11	Phòng chẩn trị Đông y Quýt Tinh	Phạm Ngọc Ích	Sơn Phong	Ủy viên BCH Hội Đông y
12	Văn Lang Đường	Lê Lương Huy	Cẩm Châu	Nguyên Phó chủ tịch Hội Đông y
13	Tại nhà	Nguyễn Đình Trúc	Cẩm Hà	Hội viên Hội Đông y
14	Phòng chẩn trị Đông y	Phạm Sở	Cẩm Kim	Ủy viên BCH Hội Đông y
15	Phòng chẩn trị Đông y	Phạm Lài	Cẩm Kim	Ủy viên BCH Hội Đông y
16	Tại nhà	Phạm Phú Toàn	Cẩm Kim	Hội viên Hội Đông y

- **Các nguồn lực tham gia bảo vệ khác:** ngoài việc thành lập Hội Đông y để quản lý và hoạt động, các Cơ quan, Ban, ngành trên địa bàn Thành phố như Phòng Văn hóa Thông tin, Phòng Y tế, UBND các phường/xã... có nhiều chủ trương, chính sách bảo tồn, khôi phục và phát triển nghề y truyền thống.

- **Phương thức truyền dạy:** nghề y truyền thống Hội An rất coi trọng tính gia truyền. Người lương y không dễ dàng gì truyền lại các bí quyết trong nghề cho một người không có quan hệ huyết thống, mà đặc biệt là phương pháp chẩn mạch và gia giảm phương thang. Họ thường chỉ truyền lại các bí quyết trên cho con, cháu hoặc những người học trò thân tín nhất.

d. Nguy cơ hoặc nguyên nhân mai một

Hiện nay, nghề y truyền thống Hội An đang hoạt động và có dấu hiệu phục hồi, đa số người làm nghề vẫn đang trong độ tuổi lao động nên khả năng mai một của nghề này trong tương lai là không cao. Đặc biệt, đội ngũ trẻ kế cận được quan tâm, đào tạo về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ y dược tại các Trường Đại học có uy tín trên cả nước. Tuy nhiên, nghề y truyền thống Hội An đang đứng trước nhiều nguy cơ, thách thức khi Y học phương Tây phát triển mạnh mẽ, nhiều chứng bệnh, phương thuốc phải dùng y học phương Tây mới điều trị được, do đó một số bệnh, phương thuốc y học cổ truyền có nguy cơ mai một và mất đi nếu không có sự bảo tồn. Hiện nay, điều kiện sống của nhân dân được nâng cao, khi có bệnh họ thường đến các cơ sở y tế, bệnh viện chứ ít đến các cơ sở Đông y. Hơn nữa, hiện nay do ảnh hưởng của thiên nhiên, một số phương thuốc chữa bệnh hàn khí gần như không sử dụng.

6. Giá trị

Nghề y có giá trị lịch sử hết sức quan trọng đối với thương cảng Hội An trong quá khứ cũng như hiện nay. Bởi vì đây là một ngành nghề truyền thống lâu đời, được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Thông qua các cửa hàng, các tiệm thuốc và các loại thuốc quý được ghi chép trong các tư liệu lịch sử phần nào phản ánh được sự đa dạng, phong phú chủng loại thuốc, sự sầm uất, tấp nập, buôn bán tại thương cảng Hội An thời bấy giờ.

Thông qua quá trình hoạt động, các lương y, thầy thuốc đã đúc kết nhiều kinh nghiệm, bài học quý giá về việc chuẩn đoán chữa trị bệnh, góp phần quan trọng trong việc ổn định tình hình xã hội từ xưa đến nay.

Những di tích (*ngôi nhà*), các lễ nghi tín ngưỡng, các kinh nghiệm, tri thức dân gian của nghề được bảo tồn đã góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể Hội An.

7. Biện pháp bảo vệ

a. Cở sở pháp lý

- Chỉ thị 24-CT/TW ngày 4/7/2008/ của Ban Bí thư về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới.

- Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Hội Đông y Hội An nhiệm kỳ VII (2012 – 2017).

- Thông tư 01/2014/TT-BYT ngày 10/1/2014 của Bộ y tế Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Khoa Y, dược cổ truyền trong bệnh viện nhà nước.

- Nghị định 399/NV/DC/NĐ ngày 3/6/1957 của Bộ Nội vụ tái lập Hội Đông y Việt Nam ở 32 tỉnh từ Vĩnh Long trở ra với 4 cấp Hội từ Trung ương đến cơ sở.
- Chỉ thị 210-TTg/VG ngày 6/12/1966 của Thủ tướng Chính phủ Về việc khai thác, phát triển cây thuốc và động vật làm thuốc.
- Chỉ thị ngày 19/2/1967 của Hội đồng Chính phủ ban hành về việc tăng cường công tác nghiên cứu Đông y và kết hợp Đông y với Tây y.
- Nghị quyết 266-CP ngày 19/10/1978 của Hội đồng Chính phủ Về việc phát triển y học dân tộc cổ truyền kết hợp chặt chẽ với y học hiện đại nhằm xây dựng nền y học Việt Nam.
- Chỉ thị 118/CT-TW ngày 30/9/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về việc củng cố tổ chức và tăng cường công tác của Hội y học cổ truyền trong giai đoạn mới.
- Quyết định 222/QĐ-Ttg ngày 3/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt chính sách quốc gia về y dược cổ truyền Việt Nam đến năm 2010.
- Nghị quyết 46/NQ-TW ngày 23/2/2005 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Về công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.
- Quyết định 68/QĐ-Ttg ngày 1/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quy định hội có tính đặc thù.
- Quyết định 2166/QĐ-Ttg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ Về Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển y dược cổ truyền Việt nam đến năm 2020.

b. Biện pháp bảo vệ

- Hiện nay, các cơ sở, tiệm thuốc gắn với những ngôi nhà đã được các chủ sở hữu gìn giữ và phát huy có hiệu quả, một số cơ sở buôn bán vẫn còn duy trì hoạt động.
- UBND Thành phố đã quan tâm tạo điều kiện khôi phục và phát triển nghề y truyền thống Hội An, đặc biệt Hội Đông Y Hội An thành lập tập hợp đội ngũ các thầy thuốc, lương y có kinh nghiệm tham gia hoạt động và trao đổi kinh nghiệm trong quá trình hành nghề y.
- Một số cán bộ trẻ, thầy thuốc Đông y được tạo điều kiện cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.
- Vừa qua, Thành phố có quyết định thành lập Bảo tàng nghề y Hội An, đây là cơ sở góp phần khôi phục nghề y truyền thống trước nguy cơ bị mai một, qua đó giới thiệu những giá trị đặc trưng của nghề y Hội An trong lịch sử.

8. Thông tin người lập phiếu

Họ và tên: Phạm Phước Tịnh

Chức vụ: Chuyên viên

Đơn vị công tác: Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An

Trình độ chuyên môn:

Địa chỉ liên lạc: 12 Đinh Tiên Hoàng – Tân An – Hội An

Điện thoại: 0905.017196

*** Tài liệu tham khảo:**

1/ C. Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3/ Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Ủy ban phiên dịch sử liệu, Viện Đại học Huế xuất bản.

4/ Trung tâm QLBT Di tích Hội An (2008), *Nghề truyền thống Hội An*.

5/ Biên bản tổng hợp tham vấn cộng đồng nghề y truyền thống Hội An ngày 30/11/2014.

6/ Tài liệu do ông Trương Tổng – Chủ tịch Hội Đông y thành phố Hội An cung cấp.

Hội An, ngày tháng 12 năm 2014

Xác nhận của Trưởng ban kiểm kê

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người lập phiếu

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đã ký)

Phạm Phước Tịnh

Phụ lục 1:
MỘT SỐ BÀI THUỐC CỔ PHƯƠNG (PHƯƠNG THANG)
CÁC THÂY THUỐC THƯỜNG SỬ DỤNG

T T	Bệnh danh (Tên bệnh)	Tên bài thuốc (Phương thang)	Tên các vị thuốc	Ghi chú
1	CẨM (Cẩm mạ)	Cửu vị khương hoạt thang	Khương hoạt – Phòng phong – Thương truật – Tế tân – Xuyên khung – Bạch chỉ – Sinh địa – Hoàng cầm – Cam thảo	
		Hoắc hương chính khí tán	Hoắc hương – Tử tô diệp – Cát cánh – Bạch truật – Bạch chỉ - Hậu phác – Phục linh – Bán hạ - Đại phúc bì (Vỏ quả cau) – Trần bì – Cam thảo	
		Hương nhu ẩm	Hương nhu – bạch biến đầu (Đậu ván trắng) – Hậu phác	
		Hương tô tán	Hương phụ (củ cỏ gấu) – tử tô (Tía tô) – Trần bì – Cam thảo	
		Kinh phòng bại độc tán	Kinh giới – Phòng phong – Khương hoạt – Độc hoạt – Sài hồ - Tiền hồ - Xuyên khung – Chỉ xác – Nhân sâm – Phục linh – Cát cánh – Cam thảo	
		Lục nhất tán	Hoạt thạch – Cam thảo	
		Ma hoàng thang	Ma hoàng – Hạnh nhân – Quế chi (Cành nhỏ cây quế) – Cam thảo	
		Ngân kiều tán	Kim ngân hoa – Liên kiều – Cát cánh – Bạc hà – Ngưu bàng tử - Trúc diệp – Kinh giới – Đậu xị - lô căn (Rễ lau) – Cam thảo	
		Ngũ tích tán	Phục linh – Thương thuật – Đương quy – Xuyên khung - Hậu phác – Bạch chỉ - Chỉ xác – Cát cánh – Bạch thược – Trần bì – Bán hạ - Can khương (Gừng khô) – Quế chi – Ma hoàng – Cam thảo	
		Ngũ tích giao gia tán	Phục linh – Nhân sâm – Thương truật – Đương quy – Xuyên khung – Hậu phác – Khương hoạt – Độc hoạt – Tiền hồ - Bạch chỉ - Chỉ xác – Cát cánh – Bạch thược – Trần bì – Bán hạ - Can khương (gừng khô) – Quế chi – Ma hoàng – Cam thảo	
		Phòng phong thông thánh tán	Phòng phong – Kinh giới – Liên kiều – Ma hoàng – Bạc hà – Xuyên khung – Đương quy – Bạch thược – Bạch truật – Chi tử - Đại hoàng – Hoàng cầm – Mang tiêu – Thạch cao – Cát cánh – Hoạt thạch – Cam thảo	
		Quế chi thang	Quế chi – Thược dược – Cam thảo – Sinh khương (Gừng tươi) – Đại táo (Táo tàu)	
		Sài cát giải cơ thang	Sài hồ - Cát căn – Bạch chỉ - Khương hoạt – Cát cánh – Hoàng cầm – Xích thược – Thạch cao – Cam thảo	
Sâm tô tằm	Nhân sâm – Tử tô diệp (lá tía tô) – Tiền hồ - Cát căn (Củ sắn dây) – Bán hạ (Củ chóc) – Trần bì (Vỏ quýt già) – Phục linh – Cát cánh – Chỉ xác – Mộc hương – Cam thảo			
	HO	Chỉ thẩu tán	Bách bộ - Tử uyển – Cát cánh – Kinh giới – Bạch tiền – Quýt hồng bì – Cam thảo	

2	(Khái thẩu)	Hạnh tô tán	Hạnh nhân – Tử tô điệp – Tiền hồ - Cát cánh – Bán hạ - Quýt bì – Phục linh – Chi xác – Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
		Ma hạnh thạch cam thang	Ma hoàng – Hạnh nhân – Cam thảo – Thạch cao	
		Tang cúc ẩm	Tang điệp (lá dâu non) – Cúc hoa (Hoa cúc đồng tiền) – Hạnh nhân – Cát cánh – Lô căn – Liên kiều – Bạch hà – Cam thảo	
		Thanh kim hóa đàm thang	Hoàng cầm – Chi tử (Quả dành) – Cát cánh – mạch môn – Tang bì (Võ rế dâu) – Bối mẫu – Tri mẫu – Qua lâu nhân – Quýt hồng – Phục linh – Cam thảo	
		Thanh táo cứu phế thang	Tang điệp – Thạch cao – Hạnh nhân – Nhân sâm – mạch môn – A giao – Hắc chi ma (mè đen) – Tỳ bà điệp – Cam thảo	
		Tư âm giáng hỏa thang	Thục địa – Đương quy – Thược dược – Thiên môn – Mạch môn – Trần bì – Bạch truật – Tri mẫu – Hoàng bá – Cam thảo	
3	HEN SUYỄN (Háo suyễn)	Chân vũ thang	Phục linh – Bạch truật – Bạch thược – Phụ tử - Sinh khương	
		Định suyễn thang	Ma hoàng – Tang bạch bì – Hạnh nhân – Bán hạ - Bạch quả (sao) – Tô tử (Hạt tía tô) – Hoàng cầm – Khoản đông hoa – Cam thảo	
		Nhị trần thang	Bán hạ - Trần bì - Phục linh – Cam thảo	
		Tam tử dưỡng than thang	Tô tử - Bạch giới tử - Hạt cải bẹ trắng – Lai phục tử (Hạt cải củ)	
		Tang bạch bì thang	Tang bạch bì – Bán hạ - Tô tử - Hạnh nhân – Bối mẫu – Hoàng cầm – Hoàng liên – Chi tử	
		Thất vị đô khí hoàn	Thục địa hoàng – Sơn thù nhục – Hoài sơn – Mẫu đơn bì – Trạch tả - Phục linh – Ngũ vị tử	
		Tiểu thanh long thang	Ma hoàng – Bạch thược – Quế chi – Can khương (gừng khô) – Bán hạ - Cam thảo – Tế tân – Ngũ vị tử	
Tô tử giáng khí thang	Tô tử - Quýt hồng – Nhục quế - Đương quy – Tiền hồ - Hậu phác – Bán hạ - Cam thảo – Sinh khương – Đại táo			
4	PHONG TÊ THẤP (Tý chứng)	Độc hoạt Tang ký sinh thang	Độc hoạt – Tang ký sinh – Phong phong – Đảng sâm – Phục linh – Thục địa – Đương quy – Bạch thược – Xuyên khung – Tần giao – Đỗ trọng – Ngưu tất – Tế tân – Quế tâm (vỏ quế cạo bỏ lớp thô bên ngoài) – Cam thảo	
		Đương quy niêm thông thang	Nhân sâm – Đương quy – Bạch thược – Phòng phong – Thương truật – Khương hoạt – Hoàng cầm – Cát căn – Tri mẫu – Thăng ma – Trạch tả - Trư linh – Tri mẫu – Nhân trần – Khổ sâm – Cam thảo	
		Phòng phong thang	Phòng phong – Đương quy – Phục linh – Tần giao – Khương hoạt – Hoàng cầm – Cát căn – Hạnh nhân – Quế chi – Cam thảo – Sinh khương	
		Quế chi thược dược tri mẫu thang	Quế chi – Thược dược – Bạch thược – Tri mẫu – Bạch truật – Phòng phong – Ma hoàng – Phụ tử - Sinh khương	
		Quyên tý thang	Hoàng kỳ - Đương quy – Khương hoạt – Khương hoàng (Nghệ) – Phòng phong – Xích thược – Cam thảo	
		Tam diệu	Ý dĩ nhân – Kê huyết đằng – Thương truật – Đương quy – Mộc	

		thang	qua – Hoàng bá – Tri mẫu – Ngưu tất – Tỳ giải – Hoạt thạch – Thanh đại – Xích thực	
		Tam tỳ nhang	Địa hoàng – bạch thực – Đương quy – Nhân sâm – Hoàng kỳ - Phục linh – Tục đoạn – Tần giao – Phòng phong – ngưu tất – Đỗ trọng – Xuyên khung – Tục đoạn – Quế tâm – Tế tân – Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
		Ý dĩ nhân thang	Ý dĩ nhân – Đương quy – Xuyên khung – Thương truật – Phòng phong – Khương hoạt – Độc hoạt – Quế chi – Ô đầu (Xuyên ô) – Ma hoàng – Cam thảo – Sinh khương	
5	TRÚNG PHONG (Trúng gió)	Đại tần giao thang	Tần giao – Thực địa – Sinh địa – Đương quy – Bạch thực – Phòng phong – Khương hoạt – Độc hoạt – Hoàng cầm – Bạch chỉ - Bạch truật – Phục linh – Thạch cao – Xuyên khung – Tế tân – Cam thảo	
		Đạo đàm thang	Phục linh – Bán hạ - Trần bì – Chi thực – Cam thảo	
		Địa hoàng ẩm tử	Thực địa – Nhục thung dung – Ba kích – Sơn thù nhục – Phục linh – Viễn chí – Xương bồ - Mạch môn – Thạch học – Phụ tử - Nhục quế - Ngũ vị tử	
		Thiên ma câu đằng ẩm	Thiên ma – Câu đằng – Thạch quyết minh – Hà thủ ô – Phục thần – Đỗ trọng – Tang ký sinh – Hoàng cầm – Ngưu tất – Chi tử - Ích mẫu	
		Tư thọ giải ngũ thang	Phòng phong – Khương hoạt – Táo nhân – Phụ tử - Nhục quế - Trúc lịch (nước tre non) – Cam thảo – Sinh khương	
6	BỒ DUỖNG	Bát trân thang	Thực địa – Nhân sâm – Đương quy – Bạch thực – Phục linh – Bạch truật – Xuyên khung – Cam thảo	
		Bổ cân thang	Thực địa – Đương quy – Bạch thực – Táo nhân – Mạch môn – Mộc qua – Xuyên khung – Cam thảo	
		Bổ phế thang	Thực địa – Nhân sâm – Hoàng kỳ - Tang bì – Tử uyển – ngũ vị tử	
		Bổ trung ích khí thang	Nhân sâm – Hoàng kỳ - Bạch truật – Đương quy – Thăng ma – Sài hồ - Trần bì – Cam thảo	
		Chấn âm lý lao thang	Nhân sâm – Bạch thực – Đương quy – Ý dĩ nhân (hạt bo bo) – Sinh địa – Mạch môn – mẫu bì đơn – Liên nhục (hạt sen) – Quýt hồng – Ngũ vị tử - Cam thảo	
		Chấn dương lý lao thang	Nhân sâm – Hoàng kỳ - bạch truật – Đương quy – Trần bì – Nhục quế - Ngũ vị tử - Cam thảo	
		Đại bổ nguyên tiên	Thực địa – Nhân sâm – Hoài sơn - Sơn thù nhục – Đương quy – Câu kỷ tử - Đỗ trọng – Cam thảo	
		Đô khí hoàn	Thực địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Phục linh – Mẫu đơn bì – Trạch tả - Ngũ vị tử	
		Hữu quy hoàn	Thực địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Câu kỷ tử - Lộc giác giao – Đương quy – Thổ ty tử - Đỗ trọng – Phụ tử - Nhục quế	
		Lục vị địa hoàng hoàn	Thực địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Phục linh – Mẫu đơn bì – Trạch tả	
Nhân sâm	Thực địa – Nhân sâm – Hoàng kỳ - Đương quy – Bạch thực –			

	đưỡng vinh thang	Bạch truật – Phục linh – Viễn chí – Trần bì – Quế tâm – Ngũ vị tử - Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
	Quy tý thang	Nhân sâm – Hoàng kỳ - Bạch truật – Long nhãn nhục – Toan táo nhân – Viễn chí – Phục thần – Mộc hương – Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
	Sâm linh bạch truật tán	Nhân sâm – Phục linh – Bạch truật – Biền đầu – Liên nhục (hạt sen) – Hoài sơn – Ý dĩ nhân – Cát cánh – Sa nhân – Trần bì – Cam thảo	
	Tả quy hoàn	Thục địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Câu kỷ tử - Thố ty tử - Lộc giác giao – Quy bản (yếm bùa) – ngưi tất	
	Thập toàn đại bổ thang	Thục địa – Đương quy – Nhân sâm – Bạch truật – bạch thược – Hoàng kỳ - Phục linh – Xuyên khung – Nhục quế - Cam thảo	
	Thiên vương bổ tâm đơn (thang)	Sinh địa hoàng – Nhân sâm – Đơn sâm – Huyền sâm – Đương quy – Thiên môn – mạch môn – Phục thần – Táo nhân – Viễn chí – bá tử chân – Cát cánh – Ngũ vị tử	
	Tứ quân tử thang	Nhân sâm – Bạch truật – Phục linh – Cam thảo	
	Tứ vật thang	Thục địa – Đương quy – Bạch thược – Xuyên khung	

MỘT SỐ BỆNH NỘI KHOA

T T	Bệnh danh (Tên bệnh)	Tên bài thuốc (<i>Phương thang</i>)	Tên các vị thuốc	Ghi chú
1	NHỨC ĐẦU (<i>đầu thống</i>)	Hoàng liên thanh hoàn	Hoàng liên – Hoàng cầm – Hoàng bá – Đương quy – Cúc hoa – Chi tử - Xuyên khung – cát căn – Bạc hà – Thiên hoa phấn – Huyền sâm – Liên kiều – Đại hoàng – Cát cánh – Khương hoàng (nghệ)	
		Khương hoạt thấp thang	Khương hoạt – Độc hoạt – Phòng phong – Xuyên khung – Cảo bản – Mạn kinh tử - Cam thảo	
		Kỷ cúc địa hoàng hoàn	Thục địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Phục linh – Mẫu đơn bì – Trạch tả - Câu kỷ tử - Cúc hoa	
		Thuận khí hòa trung thang	Hoàng kỳ - Nhân sâm – Bạch truật – bạch thược – Đương quy – Xuyên khung – Sài hồ - Thăng ma – Mạn kinh tử - Trần bì – tế tân – Cam thảo	
		Xuyên khung trà điều tán	Xuyên khung – Bạc hà – Khương hoạt – Bạch chỉ - Phòng phong – Kinh giới – tế tân – Cam thảo	
2	CHÓNG MẶT (<i>huyễn vựng</i>)	Bán hạ bạch truật Thiên ma thang	Bán hạ - bạch truật – Thiên ma – Phục linh – Trần bì – Cam thảo	
		Lục vị hồi	Thục địa – Nhân sâm – Đương quy – Phụ tử - Cam thảo – Bào	

		đương tâm	khương (gừng sao)	
3	SỐT RẾT (ngược tật)	Hà nhân âm	Hà thủ ô – Nhân sâm – Đương quy – Trần bì – Sinh khương	
		Thanh cao Miết giáp tiền	Thanh cao – Miết giáp – Sinh địa – Tri mẫu – Mẫu đơn bì	
		Thanh tỳ âm	Hậu phác – Phục linh – Thảo quả - Bạch truật – Hoàng cầm – Bán hạ - Sài hồ - Thanh bì – Cam thảo	
		Thường sơn âm	Thường sơn – Thảo quả - Tri mẫu – Ô mai – Lương khương – Cam thảo	
		Tiểu sài hồ thang	Sài hồ - Nhân sâm – Hoàng cầm – Bán hạ - Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
4	VÀNG DA (hoàng đản)	Hương sa lục quân tử thang	Nhân sâm – Bạch truật – Phục linh – Trần bì – bán hạ - Hương phụ - Sa nhân – Cam thảo	
		Ma hoàng Liên kiều Xích tiểu đậu thang	Ma hoàng – Liên kiều – Xích tiểu đậu – tang bì – Hạnh nhân – Quế chi – Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
		Nhân trần ngũ linh tán	Nhân trần – Phục linh – bạch truật – Trư linh – Trạch tả - Quế chi	
		Tiêu dao tán	Bạch truật – Bạch thược – Phục linh – Sài hồ – Đương quy – Bạc hà – Cam thảo – Sinh khương	
		Tiêu kiến trung thang	Bạch thược – Quế chi – Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
5	TIÊU KHÁT (uống nhiều – Tiểu nhiều)	Bạch truật tán	Nhân sâm – bạch truật – Phục linh – cát căn – Mộc hương – Hoắc hương – Cam thảo	
		Ngọc nữ tiền	Thạch cao – Thục địa – mạch môn – Tri mẫu – ngưu tất	
		Nhị đông thang	Thiên môn đông – Mạch môn đông – Thiên hoa phấn – Nhân sâm – Hoàng cầm – Tri mẫu – Cam thảo	
		Tang phiêu tiêu tán	Tang phiêu tán – Quy bản – Long cốt – Đương quy – Nhân sâm – Phục thần – Xương bồ - Viễn chí	
6	ĐAU BỤNG (phức thống)	Bảo hòa hoàn	Sơn tra – Thần khúc – Phục linh – bán hạ - Trần bì – liên kiều – Lai phục tử	
		Chính khí thiên hương tán	Ô dược – hương phụ - tử tô – Trần bì – can khương	
		Lương phụ hoàn	Cao lương khương (củ riêng) – hương phụ (củ cỏ gấu)	
		Noãn can tiền	Ô dược – Phục linh – Câu kỷ tử - Đương quy – Trâm hương – Tiểu hồi hương – Nhục quế - Sinh khương	
7	KIỆT LỢ (lợ tật)	Chân nhân dưỡng tạng thang	Nhân sâm – Đương quy – Bạch thược – Bạch truật – Kha tử - Nhục đậu khấu – Mộc hương – Nhục quế - Cam thảo	
		Chỉ thực đạo trệ hoàn	Chỉ thực – Bạch truật – Phục linh – Thần khúc – Hoàng cầm – Hoàng liên – Trạch tả - Đại hoàng	
		Thược dược thang	Thược dược – Đương quy – Hoàng cầm – Hoàng liên – Tân lang (hạt cau già) – Đại hoàng – Mộc hương – Nhục quế - Cam thảo	

		Vị linh thang	Thương truật – Bạch truật – Hậu phác – Phục linh – Trư linh – Trạch tả - Trần bì – Nhục quế - Cam thảo	
8	DI TINH & LIỆT DUƠNG (<i>Di tinh & Dương quy</i>)	Kim tảo có tinh hoàn	Khiêm thực – Liên tu (tua sen) – Sa uyển tật lê – Long cốt – Mẫu lệ - Liên nhục	
		Nhũ tử điển tông hoàn	Câu kỷ tử - Phúc bồn tử - Thố ty tử - Xa tiên tử - Ngũ vị tử	
		Tán dục đơn (hoàn)	Thục địa – Đương quy – Câu kỷ tử - Bạch truật – Ba kích – Tiên mao – Sơn thù nhục – Nhục thung dung – Đỗ trọng – Dâm dương hoắc – Phi tử - Xà sàng tử - Phụ tử - Nhục quế	
		Tri Bá bát vị hoàn	Thục địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Phục linh – Mẫu đơn bì – Trạch tả - Tri mẫu – Hoàng bá	
9	TAI Û – TAI ĐIỆC (<i>Nhĩ minh – Nhĩ lung</i>)	Ích khí thông minh thang	Hoàng kỳ - Nhân sâm – Hoàng bá – Bạch thược – Thăng ma – Cát căn – Mạn kinh tử - Cam thảo	
		Nhĩ lung tả tư hoàn	Sinh địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Mẫu đơn bì – Phục linh – Trạch tả - Ngũ vị tử - Từ thạch (đá nam châm)	
		Sài hồ thanh can ẩm	Sài hồ - Sinh địa – Đương quy – Xích thược – Hoàng cầm – Liên kiều – Ngưu bàng tử - Thiên hoa phấn – Phòng hpong – Xuyên khung – Chi tử - Cam thảo	
10	MẮT NGỬ (<i>bất mị</i>)	Dưỡng tâm thang	Hoàng kỳ - Đương quy – Nhân sâm – Phục linh – Phục thần – Táo nhân – Viễn chí – Xuyên khung – Bá tử nhân – Bán hạ - Nhục quế - Ngũ vị tử - Cam thảo	
		Giao thái hoàn	Hoàng liên – Nhục quế	
		Ôn đờm thang	Phục linh – Quýt hồng – Bán hạ - Chi thực – Trúc nhự - Cam thảo	
		Toan táo nhân thang	Táo nhân – Tri mẫu – Phục linh – Xuyên khung – Cam thảo	
11	MẮT TIẾNG (<i>thất âm</i>)	Bách hợp có kim thang	Bách hợp – Thục địa – Sinh địa – Đương quy – Bạch thược – mạch môn – Bối mẫu – Cát cánh – Huyền sâm – Cam thảo	
		Cát cánh thang	Cát cánh – Tang bì – Đương quy – Bối mẫu – Thiên hoa phấn – Hoàng kỳ - Ý dĩ – Bách hợp – Phòng kỷ - Địa cốt bì – Tri mẫu – Hạnh nhân – Đinh lịch – Chi xác – Ngũ vị tử - Cam thảo	
12	TIỂU TIỆN RA MÁU (<i>niệu huyết</i>)	Đạo xích tán	Sinh địa – mộc thông – Trúc diệp – Cam thảo	
		Tiểu kế ẩm tử	Tiểu kế - Sinh địa – Bô hoàng – ngẫu tiết (ngó sen) – Đương quy – Mộc thông – Hoạt hạch – Chi tử - Trúc diệp – Cam thảo	
		Vô tý Sơn dục hoàn	Thục địa – Nhục thung dung – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Phục thần – Ba kích – Thố ty tử - Xích thạch bi – Đỗ trọng – ngư tât – Trạch tả - Ngũ vị tử	
13	CHẤY MÁU MŨI (<i>nhục huyết</i>)	Tả tâm thang	Hoàng cầm – Hoàng liên – Đại hoàng	
		Tư thủy thanh can ẩm	Sinh địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Đương quy – Bạch thược – Phục linh – Sài hồ - Mẫu đơn bì – Trạch tả - Chi tử - Đại táo	
	TÁO	Hoàng kỳ thang	Hoàng kỳ - Trần bì – Ma nhân (mè) – Bạch mật (mật ong)	
		Ma tử nhân	Ma tử nhân – Bạch thược – Hậu phác – Hạnh nhân – Đại	

14	BÓN (<i>tiện bí</i>)	hoàn	hoàng – Chỉ thực	
		Ngũ nhân hoàn	Đào nhân – Hạnh nhân – Bá tử nhân – Úc lý nhân – tang tử nhân (vị thuốc này các lương y thường thay bằng Ma tử nhân)	
		Nhuận trường hoàn	Đương quy - Sinh địa – Đào nhân – Ma nhân – Chỉ xác	
15	PHÙ THỦNG (<i>thủy thủng</i>)	Đại thừa khí thang	Đại hoàng – Hậu phác – Chỉ thực – Mang tiêu	
		Ngũ bì ẩm	Tang bì – Phục linh bì – Đại phúc bì – Trần bì – Sinh khương bì (vỏ củ gừng)	
		Phòng kỷ Hoàng kỳ thang	Phòng kỷ - Bạch truật – Hoàng kỳ - Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
		Thuận khí hoàn	Thực địa – Hoài sơn – Sơn thù nhục – Phục linh – Mẫu đơn bì – Trạch tả - Ngưu tất – Xa tiền tử - Nhục quế - Phụ tử	
		Thực tỳ ẩm	Bạch truật – Phục linh – Hậu phác – mộc qua – Thảo quả - Đại phúc bì – Mộc hương – Cam thảo – Phụ tử - Can khương – Sinh khương – Đại táo	
		Tiểu thừa khí thang	Đại hoàng – Hậu phác – Chỉ thực	
16	TIỂU ĐỤC (<i>niệu trọc</i>)	Thanh tâm liên tử ẩm	Nhân sâm – Hoàng kỳ - Liên nhục – Xích phục linh – Sài hồ - Xa tiền tử - Mạch môn – Viễn chí – Xương bồ - Mẫu đơn bì – Cam thảo	
		Thố ty tử hoàn	Thố ty tử - Hoài sơn – Câu kỷ tử - Phục linh – Liên nhục	
		Trị trọc cố bản hoàn	Phục linh – Trư linh – Ích trí nhân – Hoàng bá – Hoàng liên – Bán hạ - Sa nhân – Liên tu – Cam thảo	
		Tỳ giải phân thanh ẩm	Tỳ giải – Phục linh – Ô dược – Xương bồ - Ích trí nhân – Cam thảo	

MỘT SỐ BỆNH PHỤ NỮ

T T	Bệnh danh (<i>Tên bệnh</i>)	Tên bài thuốc (<i>Phương thang</i>)	Tên các vị thuốc	Ghi chú
1	KINH NGUYỆT KHÔNG ĐỀU (<i>Kinh nguyệt bất điều</i>)	Bổ khí cố kinh hoàn	Nhân sâm – Hoàng kỳ - Bạch truật – Phục linh – Sa nhân	
		Đào Hồng tứ vật thang	Thực địa – Đương quy – Bạch thược – Xuyên khung – Đào nhân – Hồng hoa	
		Hương phụ tứ chế hoàn	Hương phụ (Tứ chế làm thành viên)	
2	HÀNH KINH ĐAU	Gia vị Ô dược	Ô dược – Hương phụ - Sa nhân – Mộc hương	
		Ô kinh thang	Nhân sâm – Đương quy – Bạch thược – Xuyên khung – Mẫu đơn bì – mạch môn - A giao – Bán hạ - Quế chi – Ngô thù du	

	BỤNG (<i>Thống kinh</i>)		– Cam thảo – Sinh khương	
3	TẮT KINH (<i>Kinh bế</i>)	Kiếp lao tán	Thục địa – Đương quy – Hoàng kỳ - Nhân sâm – Bạch thược – Bạch truật – Phục linh – A giao – Quýt bì – Bán hạ - Nhục quế - Ngũ vị tử - Cam thảo	
		Ngọc chúc tán	Thục địa - Đương quy – Bạch thược – Xuyên khung – Đại hoàng – Mang tiêu – Cam thảo	
		Trạch lan thang	Trạch lan – Đương quy – Bạch thược – Cam thảo	
4	BĂNG HUYẾT, RONG KINH (<i>Huyết băng, Huyết lậu</i>)	Cử nguyên tiền	Nhân sâm – Bạch truật – Hoàng kỳ - Thăng ma – Cam thảo	
		Giao Ngải tứ vật thang	Thục địa – Đương quy – Bạch thược – Xuyên khung – A giao – Ngải cứu	
		Hoàng liên giải độc thang	Hoàng liên – Hoàng bá – Hoàng cầm – Chi tử	
		Sâm phụ thang	Nhân sâm – Phụ tử	
5	BẠCH ĐỐI (<i>Đối hạ</i>)	Hoàng đới thang	Nhân sâm – Bạch truật – Bạch thược – Hoài sơn – Sài hồ - Thương truật – Xa tiền tử - Trần bì – Kinh giới – Cam thảo	
6	ÓM NGHÉN (<i>Ố trở</i>)	Hoàng liên ôn đởm thang	Hoàng liên – Phục linh – Bán hạ - Chỉ xác – Trần bì – Trúc nhự - Cam thảo	
		Quýt bì Trúc nhự thang	Quýt bì – Trúc nhự - Nhân sâm – Phục linh – mạch môn – Bán hạ - Tỳ bà diệp – Sinh khương – Đại táo	
		Tiểu bán hạ Phục linh thang	Bán hạ - Phục linh – Sinh khương	
		Ức can hòa vị ẩm	Tử tô diệp – Trần bì – Bán hạ - Hoàng liên – Trúc nhự	
7	ĐAU BỤNG KHI ĐANG MANG THAI (<i>Bào trở</i>)	Gia vị bình vị tán	Thương truật – Trần bì – Hậu phác – Thảo quả - Thần khúc – Chỉ xác – Cam thảo	
		Tử tô ẩm	Tô nạnh (cành cây tía tô) – Nhân sâm – Đương quy – Bạch thược – Đại phúc bì – Sinh khương – Cam thảo – Thông bạch (Củ hành)	
8	TIỂU TIỆN NHỎ GIỌT, ĐAU BUỐT KHI ĐANG MANG	An kinh tán	Đương quy – Nhân sâm – Mạch môn – Hoạt thạch – Thông thảo – Tê tân – Đẳng tâm – Cam thảo	
		Gia vị ngũ lâm tán	Đương quy – Bạch thược – Sinh địa – Phục linh – Hoàng cầm – Mộc thông – Trạch tả - Xa tiền tử - Hoạt thạch – Chi tử - Cam thảo	

	THAI <i>(Tử lâm)</i>			
9	MỘT SỐ BÀI THUỐC CHỮA CÁC BỆNH VỀ THAI SẢN KHÁC	Cát căn thang	Cát căn – Bạch thược – Quế chi – Ma hoàng – Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
		Đương quy kiến trung thang	Đương quy – Bạch thược – Nhục quế - Cam thảo – Sinh khương – Đại táo	
		Ngưu tất tán	Ngưu tất – Đương quy – Xuyên khung – Xích thược – Đào nhân – Mẫu đơn bì – Quế tâm	
		Sinh hóa gia Sâm thang	Đương quy – Xuyên khung – Nhân sâm – Đào nhân – Bào khương – Đại táo	
		Thai nguyên âm	Thục địa – Nhân sâm – Đương quy – Bạch truật – Bạch thược – Trần bì – Đỗ trọng – Cam thảo	
		Thông nhũ đơn	Nhân sâm – Đương quy – Hoàng kỳ - Mạch môn – Cát cánh – Thông thảo	

Phụ lục 2:
DANH MỤC ĐƯỢC LIỆU CÁC LƯƠNG Y HỘI AN SỬ DỤNG

TT	TT (theo nhóm)	Tên dược liệu	Nguồn gốc	Điều kiện để có		Ghi chú
				Hiện có trên địa bàn	Mua từ các nơi	
I. NHÓM PHÁT TÁN PHONG HÀN						
1	1	Bạch chỉ	B-N		Trong nước	Di thực
2	2	Kinh giới	B-N		Trong nước	Di thực
3	3	Ma hoàng	Bắc		Ngoại nhập	
4	4	Quế chi (Cành nhỏ cây quế)	Nam		Trong tỉnh	
5	5	Sinh khương (Gừng tươi)	Nam	x	Ngoại nhập	
6	6	Tân di	Bắc		Ngoại nhập	
7	7	Tế tân	Bắc		Ngoại nhập	
8	8	Thông bạch (Hành)	Nam	x		
9	9	Tô diệp (Lá tía tô)	Nam	x		
II. NHÓM PHÁT TÁN PHONG NHIỆT						
10	1	Bạc hà	Nam		Trong nước	
11	2	Cát căn (Sắn dây)	Nam	x	Trong tỉnh	
12	3	Cốc tinh thảo (Cỏ dùi trống)	Nam	x	Trong tỉnh	
13	4	Cúc hoa (Hoa cúc đồng tiền)	Nam	x	Trong tỉnh	
14	5	Đạm đậu xị	Nam		Trong nước	
15	6	Hải sài (Cây lức)	Nam	x	Trong tỉnh	
16	7	Hắc đậu (Đậu đen)	Nam	x		
17	8	Mạn kinh tử	Nam		Trong tỉnh	
18	9	Ngưu bàng tử	B-N		Trong nước	Di thực
19	10	Phù bình (Bèo cái)	Nam	x		
20	11	Sài hồ	Bắc		Ngoại nhập	
21	12	Sài hồ	Nam	x	Trong tỉnh	
22	13	Tang diệp (Lá dâu)	Nam	x		
23	14	Thăng ma	Bắc		Ngoại nhập	
24	15	Thuyền thoái (Xác ve sầu)	Nam		Trong nước	
III. NHÓM PHÁT TÁN PHONG THẤP						
25	1	Cà gai leo	Nam	x	Trong tỉnh	Mới sử dụng
26	2	Cảo bản	Bắc		Ngoại nhập	
27	3	Độc hoạt	Bắc		Ngoại nhập	
28	4	Hồ cốt (Cao xương hổ)			Trong nước	Loài quý hiếm
29	5	Hy thiêm	B-N		Trong tỉnh	
30	6	Khương hoạt	Bắc		Ngoại nhập	
31	7	Mạn kinh tử (Hạt quan âm)	Nam		Trong tỉnh	
32	8	Mộc qua	Bắc		Ngoại nhập	
33	9	Ngũ gia bì chân chim	Nam		Trong nước	
34	10	Ngũ gia bì hương	Bắc		Ngoại nhập	
35	11	Phòng phong	Bắc		Ngoại nhập	

36	12	Tần giao	Bắc		Trong nước	
37	13	Tang chi (cành dâu)	Nam	x		
38	14	Tang ký sinh (Tầm gửi dâu)	Nam	x	Trong nước	
39	15	Thiên niên kiện	Nam		Trong tỉnh	
40	16	Thương nhĩ tử (Ké đầu ngựa)	Nam		Trong tỉnh	
41	17	Thương truật	Bắc		Ngoại nhập	
42	18	Trinh nữ (cây mắc cở)	Nam	x		Trong dân gian
43	19	Uy linh tiên	Bắc		Ngoại nhập	
44	20	Xích đồng nam (cây vẩy đỏ)	Nam	x		Trong dân gian
IV. NHÓM TRỪ HẠN						
45	1	Can khương (Gừng khô)	Nam	x		
46	2	Cao lương khương (Riềng)	Nam		Trong tỉnh	
47	3	Đại hồi	Nam		Trong nước	
48	4	Địa liên	Nam		Trong nước	
49	5	Đinh hương	Bắc		Ngoại nhập	
50	6	Ngô thù du	B-N		Ngoại nhập	
51	7	Thảo quả	Nam		Trong nước	
52	8	Tiểu hồi	B-N		Ngoại nhập	
53	9	Xuyên tiêu	B-N		Ngoại nhập	
V. NHÓM HÔI DƯƠNG CỨU NGHỊCH						
54	1	Phụ tử chế (Hắc – Bạch)	B-N		Ngoại nhập	
55	2	Quế nhục (Vỏ cây quế)	Nam		Trong tỉnh	
VI. NHÓM KHỬ THỦ						
56	1	Bạch biên đậu (Đại ván)	Nam	x		
57	2	Hà diệp (Lá sen)	Nam	x		
58	3	Hoắc hương	Nam	x	Trong tỉnh	
59	4	Hương nhu	Nam	x	Trong tỉnh	
60	5	Thanh cao	Nam		Trong nước	
VII. NHÓM THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC						
61	1	Bạch đầu ông	B-N		Ngoại nhập	
62	2	Bạch đồng nữ (Vây trắng)	Nam	x		Trong dân gian
63	3	Bạch hoa xà thiệt thảo	Nam		Trong nước	
64	4	Bạch tiền bì	Bắc		Ngoại nhập	
65	5	Bản lam căn	Bắc		Ngoại nhập	
66	6	Bò công anh	B-N	x	Trong nước	
67	7	Cam thảo đất	Nam	x		
68	8	Diệp hạ châu (Chó đẻ RC)	Nam	x		
69	9	Kim ngân hoa	B-N	x	Trong nước	Trong dân gian
70	10	Liên kiều	Bắc		Ngoại nhập	
71	11	Mã xỉ hiện (Rau xam)	Nam	x		Trong dân gian
72	12	Nhân trung hoàng	Bắc		Ngoại nhập	
73	13	Quán chúng	Bắc		Ngoại nhập	
74	14	Sài đất	Nam	x		
75	15	Thanh đại (Bột chàm)	Nam		Trong nước	
76	16	Thổ phục linh	Nam		Trong tỉnh	

77	17	Xạ can (Củ rẻ quạt)	Nam	x		
VIII. NHÓM THANH NHIỆT TÁ HÒA						
78	1	Chi tử (Quả dành)	B-N		Trong tỉnh	
79	2	Hạ khô thảo	B-N		Trong nước	
80	3	Lô căn (Rẻ lau)	Nam	x		
81	4	Mật mông hoa	B-N		Trong nước	
82	5	Mộc tặc (Cỏ tháp bút)	B-N		Trong nước	
83	6	Quyết minh tử (Hạt muông)	Nam	x	Trong tỉnh	
84	7	Thạch cao (sống – DD)	Nam		Trong nước	
85	8	Thanh tương tử (Hạt mào gà)	Nam	x	Trong tỉnh	Hạt cây MG trắng
86	9	Tri mẫu	Bắc		Ngoại nhập	
IX. NHÓM THANH NHIỆT TÁO THẤP						
87	1	Bán biên liên	B-N		Ngoại nhập	
88	2	Bán chi liên (Hoàng cầm râu)	Nam	x	Trong tỉnh	
89	3	Hoàng bá	Bắc		Ngoại nhập	
90	4	Hoàng bá nam (Vỏ núc nác)	Nam		Trong tỉnh	Ít sử dụng
91	5	Hoàng cầm	Bắc		Ngoại nhập	
92	6	Hoàng đằng	Bắc		Ngoại nhập	
93	7	Hoàng liên	Bắc		Ngoại nhập	
94	8	Hoạt thạch			Ngoại nhập	
95	9	Khô sâm	Nam		Trong nước	
96	10	Long đởm thảo	B-N		Ngoại nhập	
97	11	Mần trâu (Cỏ)	Nam	x		Trong dân gian
98	12	Mơ tam thể (Mơ lông)	Nam	x		Trong dân gian
99	13	Nha đằm tử (Sâu đầu rừng)	Nam	x	Trong tỉnh	
100	14	Nhân trần	Nam		Trong nước	
101	15	Rau má	Nam			Trong dân gian
X. NHÓM THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT						
102	1	Bạch mao căn (rẻ tranh)	Nam	x		
103	2	Bạch vi	Bắc		Ngoại nhập	
104	3	Địa cốt bì	Bắc		Ngoại nhập	
105	4	Huyền sâm	Nam		Trong nước	Di thực
106	5	Mẫu đơn bì	Bắc		Ngoại nhập	
107	6	Sâm đại hành (Tỏi đỏ)	Nam			Trong dân gian
108	7	Sinh địa hoàng	Nam		Trong nước	Di thực
109	8	Sinh địa hoàng	Bắc		Ngoại nhập	
110	9	Tê giác			Ngoại nhập	Loài quý hiếm
111	10	Thiên hoa phấn	B-N		Ngoại nhập	
112	11	Tử thảo	Bắc		Ngoại nhập	
113	12	Xích thược	Bắc		Ngoại nhập	
XI. NHÓM TRỪ ĐÀM						
114	1	Bạch giới tử (Hạt cải bẹ)	Nam	x	Trong nước	
115	2	Bán hạ	Bắc			
116	3	Bán hạ (Củ chóc)	Nam	x	Trong tỉnh	

117	4	Bôi mầu (Thỏ bôi)	Nam		Trong nước	
118	5	Bôi mầu (Xuyên bôi)	Bắc		Ngoại nhập	
119	6	Côn bố	Bắc		Ngoại nhập	
120	7	Đình lịch tử	Bắc		Ngoại nhập	
121	8	La hán (quả)	Bắc		Ngoại nhập	
122	9	Mẫu đầu linh	Bắc		Ngoại nhập	
123	10	Ngưu hoàng			Ngoại nhập	Loài quý hiếm
124	11	Qua lâu năm	B-N		Ngoại nhập	
125	12	Quất hồng bì	Nam		Trong nước	
126	13	Thiên nam tinh	Nam	x	Trong tỉnh	
127	14	Thiên trúc hoàng	Bắc		Ngoại nhập	
128	15	Trúc nhự (cạo tinh tre)	Nam	x		Trong dân gian
XII. NHÓM CHỈ KHÁI BÌNH SUYỄN						
129	1	Bách bộ	Nam		Trong nước	
130	2	Bách hợp	B-N		Ngoại nhập	
131	3	Bạch quả (Ngân hạnh)	Bắc		Ngoại nhập	
132	4	Bạch tiền	Bắc		Ngoại nhập	
133	5	Cát cánh	Bắc		Ngoại nhập	
134	6	Hạnh nhân	Bắc		Ngoại nhập	
135	7	Húng chanh (Rau tần)	Nam	x		Trong dân gian
136	8	Kha tử	B-N		Ngoại nhập	
137	9	Khoản đông hoa	B-N		Ngoại nhập	
138	10	La bạc tử (Hạt cải củ)	Nam	x		
139	11	Tang bạch bì (Vỏ rễ dâu)	Nam	x	Trong nước	
140	12	Tiền hồ	Bắc		Ngoại nhập	
141	13	Tô tử (hạt tía tô)	Nam	x		
142	14	Toàn phúc hoa	Bắc		Ngoại nhập	
143	15	Tử uyển	Bắc		Ngoại nhập	
144	16	Tỳ bà diệp	Nam			
XIII. NHÓM BÌNH CAN TỨC PHONG						
145	1	Bạch cương tâm (Con tằm)			Trong tỉnh	
146	2	Bạch hoa xà	B-N		Ngoại nhập	
147	3	Câu đằng	Nam		Trong nước	
148	4	Địa long (Giun đất)		x		Ít sử dụng
149	5	Ngô công (Con rết)				Độc, ít sử dụng
150	6	Thiên ma	Bắc		Ngoại nhập	
151	7	Toàn yết (Con bọ cạp)			Ngoại nhập	Độc, ít sử dụng
152	8	Xà thoái (Da rắn lột)		x		
153	9	Xương bồ	Bắc		Ngoại nhập	
XIV. NHÓM AN THẦN						
154	1	Bá tử nhân	B-N			
155	2	Chu sa			Ngoại nhập	Loài quý hiếm
156	3	Hồ phách	Bắc		Ngoại nhập	
157	4	Lạc tiên (Dây bầu đường)	Nam	x		Trong dân gian
158	5	Liên tâm (Tim sen)	Nam	x		

159	6	Long cốt	Bắc		Ngoại nhập	
160	7	Phục thần	Bắc		Ngoại nhập	
161	8	Táo nhân	Nam		Trong nước	
162	9	Thạch quyết minh	Nam		Trong nước	
163	10	Trân châu mẫu			Ngoại nhập	Loài quý hiếm
164	11	Viễn chí	Bắc		Ngoại nhập	
165	12	Vông nem	Nam	x		Trong dân gian
XV. NHÓM KHAI KHIẾU						
166	1	Tạo giác (Bồ kết)	Nam		Trong tỉnh	Trong dân gian
XVI. NHÓM HÀNH KHÍ						
167	1	Chi thực	Nam		Trong nước	
168	2	Chi xác	Nam		Trong nước	
169	3	Hậu phác	Bắc		Ngoại nhập	
170	4	Hậu phác	Nam		Trong nước	
171	5	Hương phụ (Cỏ gấu)	Nam	x	Trong tỉnh	
172	6	Lệ chi hạch (Hạt vải)	Nam		Trong tỉnh	
173	7	Mộc hương	B-N		Ngoại nhập	
174	8	Ô dược	B-N		Ngoại nhập	
175	9	Quất hạch (hạt quất)	Nam	x	Trong tỉnh	
176	10	Sa nhân	Nam		Trong tỉnh	
177	11	Thanh bì (Vỏ trái non bọ quýt)	Nam	x	Trong tỉnh	
178	12	Thị đế	Nam		Trong nước	
179	13	Trâm hương	Nam		Trong nước	Loài quý hiếm
180	14	Trần bì (Vỏ quýt già, cũ)	Nam	x	Trong tỉnh	
XVII. NHÓM HOẠT HUYẾT, KHỬ Ứ						
181	1	Bồ hoàng	Bắc		Ngoại nhập	
182	2	Đan sâm	Bắc		Ngoại nhập	
183	3	Đào nhân	B-N		Ngoại nhập	
184	4	Hồng hoa	Nam		Trong nước	
185	5	Huyền bồ	Bắc		Ngoại nhập	
186	6	Huyết giác	Nam	x	Trong tỉnh	Ít sử dụng
187	7	Ích mẫu	Nam		Trong tỉnh	
188	8	Kê huyết đằng	Nam		Trong tỉnh	
189	9	Khương hoàng – Uất kim	Nam	x		Củ nghệ, dân gian
190	10	Một dược	Bắc		Ngoại nhập	
191	11	Nga truất (Nghệ đen)	Nam	x	Trong tỉnh	
192	12	Ngũ linh chi	Bắc		Ngoại nhập	
193	13	Ngưu tất	B-N		Trong nước	Di thực
194	14	Nhũ hương	Bắc		Ngoại nhập	
195	15	Tạo giác thích (Gai bồ kết)	Nam		Trong tỉnh	Ít sử dụng
196	16	Tô mộc (Cây gỗ vang)	Nam		Trong tỉnh	
197	17	Xuyên khung	B-N			Di thực
198	18	Xuyên sơn giáp (vây trúc)	Nam		Trong tỉnh	

XVIII. NHÓM CHỈ HUYẾT						
199	1	Bạch cập	B-N		Trong nước	
200	2	Đại kế	Bắc		Ngoại nhập	
201	3	Địa du	Bắc		Ngoại nhập	
202	4	Hạn liên thảo (Cỏ lợ nổi)	Nam	x		Trong dân gian
203	5	Hồe hoa	Nam		Trong nước	
204	6	Huyết dụ	Nam	x	Trong tỉnh	Trong dân gian
205	7	Kê quan hoa (Hoa mào gà)	Nam	x		Hoa mào gà đỏ
206	8	Ngải cứu (Thuốc cứu)	Nam	x		
207	9	Ô tặc cốt (Mai thực)		x		
208	10	Tam thất (Xuyên tam thất)	Bắc		Ngoại nhập	
209	11	Thiên căn (Tây căn)	B-N		Ngoại nhập	
210	12	Tiên hạc thảo	Bắc		Ngoại nhập	
211	13	Tiểu kế	Bắc		Ngoại nhập	
212	14	Trắc bá diệp	Nam	x	Trong tỉnh	
XIX. NHÓM THẨM THÁP LỢI THỦY						
213	1	Bạch linh (Phục linh)	Bắc		Ngoại nhập	
214	2	Biển súc	Bắc		Ngoại nhập	
215	3	Cồ mạch	Bắc		Ngoại nhập	
216	4	Đại phúc bì (Vỏ quả cau)	Nam	x		
217	5	Đăng tâm thảo	B-N		Trong nước	
218	6	Địa phu tử	B-N		Trong nước	
219	7	Hải kim sa	B-N		Trong nước	
220	8	Hải táo (Rong biển, rau mợ)	Nam	x		
221	9	Hoạt thạch	Nam		Trong nước	
222	10	Kim tiền thảo (Vảy rồng)	Nam		Trong nước	
223	11	Mộc thông	Bắc		Ngoại nhập	
224	12	Phòng kỷ	Bắc		Ngoại nhập	
225	13	Râu mèo (cây)	Nam		Trong nước	
226	14	Râu ngô (Râu bắp)	Nam	x		Trong dân gian
227	15	Thông thảo	Nam		Trong nước	Trong dân gian
228	16	Trạch tả	Nam		Trong nước	
229	17	Trư linh	Bắc		Ngoại nhập	
230	18	Tỳ giải	Nam		Trong nước	
231	19	Xa tiền tử (hạt mã đề)	Nam	x	Trong nước	
232	20	Xích tiêu đậu (Đậu đỏ)	Nam	x		Trong dân gian
233	21	Ý dĩ	Nam		Trong nước	
XX. NHÓM TRỤC THỦY						
234	1	Cam toại	Bắc		Ngoại nhập	Ít sử dụng
235	2	Khiên ngư (Hạt bìm bìm)	Nam	x		Ít sử dụng
XXI. NHÓM TẢ HẠ, NHUẬN HẠ						
236	1	Đại hoàng	Bắc		Ngoại nhập	
237	2	Hắc chi ma (mè đen)	Nam	x		
238	3	Hỏa ma nhân	Bắc		Ngoại nhập	
239	4	Lô hội	Nam	x	Trong nước	

240	5	Mang tiêu	B-N		Ngoại nhập	
241	6	Phan tả diệp	Bắc		Ngoại nhập	
242	7	Úc lý nhân	Bắc		Ngoại nhập	
XXII. NHÓM HÓA THÁP TIÊU ĐẠO						
243	1	Bạch đầu khấu	Bắc		Ngoại nhập	
244	2	Kê nội kim (màng mẽ gà khô)	Nam	x		
245	3	Lục thân khúc	Nam		Trong nước	
246	4	Mạch nha	Nam		Trong nước	
247	5	Son tra	Nam		Trong nước	
XXIII. NHÓM THU LIỄM, CỒ SÁP						
248	1	Khiêm thực	Bắc		Ngoại nhập	
249	2	Kim anh	Nam		Trong nước	
250	3	Liên nhục (hạt sen)	Nam	x		
251	4	Liên ngẫu (Ngó sen)	Nam	x		
252	5	Ma hoàng căn (Rế ma hoàng)	Bắc		Ngoại nhập	
253	6	Mẫu lệ	Nam	x		
254	7	Ngũ bội tử	Bắc		Ngoại nhập	
255	8	Ngũ vị tử	Bắc		Ngoại nhập	
256	9	Nhục đậu khấu	B-N		Ngoại nhập	
257	10	Ô mai (Mơ muối)	Nam		Trong nước	
258	11	Phù tiêu mạch	Nam		Trong nước	
259	12	Phúc bồn tử	Nam		Trong nước	
260	13	Son thù	Bắc		Ngoại nhập	
261	14	Tang phiêu tiêu	Nam		Trong nước	
262	14	Thạch lựu bì	Nam		Trong tỉnh	
263	15	Thung căn bì	Bắc		Ngoại nhập	
XXIV. NHÓM AN THAI						
264	1	Trữ ma căn (Củ gai)	Nam	x		Trong dân gian
265	2	Tô ngạnh (Cành tía tô)	Nam	x		
XXV. NHÓM BỔ HUYẾT						
266	1	Đương quy	Nam		Trong nước	Di thực
267	2	Đương quy	Bắc		Ngoại nhập	
268	3	Hà thủ ô đỏ	Nam		Trong nước	
269	4	Hải mã (cá ngựa)		x		
270	5	Long nhãn	Nam	x	Trong nước	
271	6	Tang thâm (Quả dâu)	Nam	x	Trong nước	
271	7	Thục địa	Nam		Trong nước	Di thực
273	8	Thục địa	Bắc		Ngoại nhập	
XXVI. NHÓM BỔ ÂM						
274	1	A giao (Cao chế từ da lừa)	Bắc		Ngoại nhập	
275	2	Bạch thược	Bắc		Ngoại nhập	
276	3	Bổ chính sâm	Nam		Trong nước	
277	4	Câu tử kỷ	Bắc		Ngoại nhập	
278	5	Hoàng tinh	Nam		Trong nước	
279	6	Mạch môn	B-N		Trong nước	

280	7	Miết giáp (mai con ba ba)	Nam	x	Trong nước	
281	8	Ngọc trúc	B-N		Ngoại nhập	
282	9	Quy bản (Yếm con rùa)	Nam	x	Trong nước	
283	10	Sa nhâm	Bắc		Ngoại nhập	
284	11	Thạc hộc	B-N		Ngoại nhập	
285	12	Thiên môn đông	Nam	x	Trong nước	
XXVII. NHÓM BỔ DƯỠNG						
286	1	Ba kích	Nam		Trong tỉnh	
287	2	Cáp giới (Tắc kè)	Nam		Trong nước	
288	3	Cầu tích	Nam		Trong nước	
289	4	Cốt toái bồ	Nam		Trong nước	
290	5	Dâm dương hoắc	Bắc		Ngoại nhập	
291	6	Đỗ trọng	B-N		Ngoại nhập	
292	7	Hồ đào	Bắc		Ngoại nhập	
293	8	Ích trí nhân	Bắc		Ngoại nhập	
294	9	Lộc nhung (Sừng hươu non)			Ngoại nhập	Loài quý hiếm
295	10	Nhục thung dung	Bắc		Ngoại nhập	
296	11	Phá cố chi (Bồ cốt chi)	B-N		Ngoại nhập	
297	12	Thỏ ty tử	B-N		Ngoại nhập	
298	13	Tiên mao	Nam		Trong nước	
299	14	Tục đoạn	B-N		Trong nước	
300	15	Vương bất lưu hành	B-N		Ngoại nhập	
XXVIII. NHÓM BỔ KHÍ						
301	1	Bạch truật	Nam		Trong nước	Di thực
302	2	Bạch truật	Bắc		Ngoại nhập	
303	3	Cam thảo	Bắc		Ngoại nhập	
304	4	Đại táo	Bắc		Ngoại nhập	
305	5	Đảng sâm	Nam		Trong nước	Di thực
306	6	Đảng sâm	Bắc		Ngoại nhập	
307	7	Đỉnh lăng	Nam	x	Trong tỉnh	Trong dân gian
308	8	Hoài sơn	B-N		Ngoại nhập	
309	9	Hoàng kỳ (Hắc, bạch)	Bắc		Ngoại nhập	
310	10	Nhân sâm	Bắc		Ngoại nhập	
XXIX. NHÓM DÙNG NGOÀI						
311	1	Bàng sa			Trong nước	
312	2	Duyên đơn (Hồng đơn)			Ngoại nhập	
313	3	Hùng đờm (Mật gấu)			Trong nước	
314	4	Hùng hoàng			Ngoại nhập	
315	5	Khinh phàn			Ngoại nhập	
316	6	Long não	Nam		Trong nước	
317	7	Lô cam thạch			Ngoại nhập	
318	8	Lục phàn			Ngoại nhập	
319	9	Lưu hoàng			Trong nước	
320	10	Mật đà tăng			Ngoại nhập	
321	11	Mộc miết tử (Hạt quả gấc)	Nam		Trong nước	

322	12	Ô đầu	B-N		Trong nước	Độc, ít dùng
323	13	Phèn chua (Bạch phàn)	Nam		Trong nước	
324	14	Xà sàng tử	B-N		Ngoại nhập	
XXX. NHÓM KHỬ TRUNG (TRỊ GIUN SÁN)						
325	1	Bình lang (hạt cau già)	Nam	x		
326	2	Hạc sắt	Bắc		Ngoại nhập	
327	3	Lôi hoàn	Bắc		Ngoại nhập	
328	4	Nam qua tử (hạt bí đỏ)	Nam	x		Trong dân gian
329	5	Sử quân tử (Quả giun)	Nam		Trong tỉnh	

Phụ lục 3:
DANH SÁCH CÁC LOẠI SÁCH Y HỌC

- 1/ Ấu khoa chỉ nam
- 2/ Bản thảo cương mục
- 3/ Châm cứu học
- 4/ Châm cứu thực hành
- 5/ Châm cứu tiếp hiệu điển ca
- 6/ Châm cứu đại hành
- 7/ Dược tánh phú giải
- 8/ Dược tính ca quyết
- 9/ Dược tính chỉ nam
- 10/ Đông y bửu giám
- 11/ Hoàng Đế nội kinh tổ vấn
- 12/ Hoa Đà trung tạng kinh
- 13/ Hoàng Đế giáp ất kinh
- 14/ Hải Thượng Y tông tâm lĩnh
- 15/ Hồng nghĩa giác tư y thư
- 16/ Hoạt nhân toát yếu
- 17/ Hoàng Hán y học
- 18/ Kinh nghiệm kỳ phương
- 19/ Liệt triều danh y tuyển
- 20/ Mạch lý luận tri
- 21/ Ngoại khoa tông luận
- 22/ Nhãn khoa đại toàn
- 23/ Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam
- 24/ Nội khoa giảng nghĩa
- 25/ Nội kinh tổ vấn
- 26/ Nạn kinh
- 27/ Nội kinh linh khu
- 28/ Nam dược thần hiệu
- 29/ Phùng Thị cầm nang
- 30/ Phụ khoa giảng nghĩa
- 31/ Phương tễ học giảng nghĩa
- 32/ Thiên kim yếu phương
- 33/ Thọ thể bảo nguyên
- 34/ Thai sản bí thư
- 35/ Tăng quảng Bản thảo cương mục

- 36/ Trung y học khái luận
- 37/ Thang đầu ca quyết
- 38/ Thọ thế bảo nguyên
- 39/ Vạn bệnh nghiệm đại toàn
- 40/ Vạn bệnh hồi xuân
- 41/ Xích thủy huyền châu
- 42/ Y tông kim giám (nội, ngoại khoa)
- 43/ Y học nhập môn
- 44/ Y tông tất độc
- 45/ Y lâm chỉ nguyệt
- 46/ Y học tam tự kinh

Phụ lục 4:
Văn tế cúng Tổ nghề y

Việt Nam quốc, Quảng Nam tỉnh, Hội An thành phố, Minh An phường, An Định khối phố.

Tuế thứ Giáp Ngọ niên, chánh ngoạt, thập ngũ nhật.

Hội tề đẳng cấp môn đệ y khoa, hào sĩ nhân dân cùng kính bái.

Bổn Hội: Trí trách chánh tế Lương y Nguyễn Đi

Cần dĩ: Hương đăng, kim ngân, trầm trà, hoa quả, phù tang, mỹ tiểu chiêm mẽ thứ phẩm chi nghi, cỗ bàn chi lễ.

Năm Giáp Ngọ nhằm ngày Xuân tiết – Lễ lệ cầu an.

Nay Đại lễ tưởng niệm Y tôn: Trên án trầm hương khói tỏa, lòng kính thành tưởng niệm Tiên sư.

Trước thêm môn đệ y khoa, cùng quan khách tham gia lễ bái:

Được biết: Đò âm dương luân chuyển đôi đường – Máy tạo hóa tuần hoàn một bánh.

Chúng đệ tử nay: Mang trách nhiệm y đồ tiên giới, vì nhân dân lo lắng dựng xây. Cảm tiên sư đồ vật hoài ơn, tưởng Y tổ ngâm ngùi thừa kế.

Nhớ xưa: Ích trí Hương Sơn – Mạnh nhân Hồng Linh.

Con thứ bảy Lê Công Tiến sĩ, thọ Lê triều chức Thái Thượng thư, ngày hai mươi Ích mẫu Hoài sinh, đường hào huyện Hải Dương lên tỉnh.

Thời trai trẻ Huyền minh Quán chúng, sách là thầy đèn là bạn, chí công can tỏ một nghĩa thanh.

Khi lớn lên Hồ cốt thanh cao, lợi không tưởng, danh không màng, theo Y đạo viên tài diệu thủ.

Thuở Bồi mẫu Linh tiên tử thảo, về Hương Sơn nuôi chí mây xanh – Lòng trung dung tạo giác Quyết minh, theo Y đạo cứu nghèo con đỡ.

Trước cửa ba gian nhà nhỏ, thanh tịnh thủ đường – Sau vườn một mảnh đất to, xanh tươi được bờ.

Nghiên cứu dược y tổng hợp, tiên sư đã ý hội thần giao – Phát minh Nam Bắc dung hòa, hậu thế có linh đơn diệu pháp.

Thương dân yêu trắc, phép hay chép đỡ đề kinh – Vui đạo dưỡng sinh, phương lạ tìm nơi diệu quyết.

Mười chín năm trường khảo cứu – Sáu mươi sáu tập y kinh. Sắt giữa nên kim – Đá mài thành ngọc.

Y tôn tâm lĩnh, biên soạn: thành theo đặc điểm Nam thiên – Lý pháp dược phương, quan niệm có khác miền Bắc quốc.

Sách Thầy dạy: thuốc chủ yếu dùng cây nội địa – Phương trân tang nghiệm dụng cổ phương.

Lâm sàng chẩn trị, hành tàng tứ chẩn bát cương – Lập pháp điều phương, cơ chế ngục hành lục khí.

Cây thân lá thánh năm tháng gieo trồng – Bệnh quỷ thuốc tiên ngày đêm ứng phó.

Chúng con nay: Cảm tiên sư truyền dạy tế phương – Nguyễn hậu thế mở đường sinh lộ.

Ngọn thuốc y khoa soi sáng, văn minh nền dựng Việt trường tồn – Mở trường học văn huy hoàng, lịch sử liệu nhà Nam bất diệt.

Bồn Hội: Ngưỡng lại Y tổ chiếu giám, tứ dĩ khương ninh, hộ phò gia gia tân lộc, tăng tài, an khang thịnh vượng.

Kính cẩn: Y tổ đồng lai thượng hưởng.

Phục duy cẩn cáo./.

(Bản ảnh do ông Nguyễn Chí Hiếu – Phó CT Hội Đông y cung cấp tháng 12/2014)